Phẩm 15 - Song (Kinh số 182 - 191)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

PHẨM 15: SONG1 (Gồm 10 kinh)

Kệ tóm tắt:12
Mã Áp cập Mã Ấp
Ngưu Giác Sa-la lâm
Ngưu Giác Sa-la lâm
Cầu giải tối tại hậu.
Thuyêt trí, A-di-na
Câu-lâu minh Thánh đạo
Đông Viên luận Tiểu không
Đại không toi tại hậu.
1 Quyển 48. 2 Phẩm này có l o kinh, chia làm 2 phần. Phần đầu gồm 5 kinh thuộc ngày tụng thứ 4 (tụng phân biệt), từ 182 - 86. Phần còn lại, thuộc tụng ngày thứ 5 (tụng sau cùng). Nguyên tác Nhiếp tụng: im Do đặt lại tựa đê
nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

182. KINH MA ĂP1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Ương-kỳ12 rồi đi đến Xóm Ngựa,3 ngụ trong tinh xá Mã Lâm. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Người ta thấy các thầy Sa-môn là những Sa-môn. Nhimg nếu có ai hỏi các thầy có đúng là Sa-môn không thì các thầy có tự xưng mình là Sa-môn chăng? Các Tỳ-kheo bạch: - Thưa c6, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại bảo: -Thế nên, chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn? các thầy cần phải học đúng như pháp của Sa-môn và đúng như pháp của Phạm chí. Sau khi đã học đúng như pháp của Sa-môn và đúng như pháp của Phạm chí, bấy giờ các thầy mới đúng là Sa-môn chân chánh, không phải Sa-môn hư danh. Nếu thọ nhận y phục, ẩm thực, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt khác thì những người cúng dường cho các thầy mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo to lớn. Các thầy nên học như vậy. Thế nào là đúng như pháp của Sa-môn và đúng như pháp của Phạm chí? Thân hành thanh tinh, hướng đến sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi.4 Nhờ thân hành thanh tịnh, không tự cống cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uế, không vẩn đục, nên được các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân hành thanh tinh, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp,5 không cần làm hơn nữa" thi này Tỳ-kheo, Ta nói đê thây biêt, chớ vì mong câu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn.6

1 Nguyên tác: Mã Ấp kinh, thượng , j7.01.j0026.182. 0724c 17). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.49.8. 080ỈCÍ4); M. 39, Mahāassapura Sutta (Đại kinh Xóm Ngựa). 2 Nguyên tác: Ương-kỵ quốc (,Añga), một trong 16 nước lớn thời Phật, nằm ở phía Đông Ma-4<iệt-đà (Magadha). 3 Nguyen tác: Mã Ấp ( )một thị trấn của nước Ương-kỵ (Añga). M. 39: Assapura (Xóm Ngựa). 4 Nguyên tác: Khuynh hướng phát lộ,

thiện hộ vô khuyết ().M. 39: Bhavissati uttāno vivato na ca chiddavā satnvuto ca (trở nên sáng tỏ, mở bày, không có tì vét, phòng hộ). 5 Nguyên tác: Dĩ thành đức nghia ().M. 39: Đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Nghĩa (, atthā)'. Ý nghĩa, đạo lý, mục tiêu, mục đích. 6 Nguyên tác: Sa-môn nghĩa ().M. 39: Sāmañňattha (mục đích của đời sống Sa-môn).

Tỳ-kheo thân đã thanh tịnh, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, hướng đến sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi. Nhờ khẩu hành thanh tịnh, không tự cống cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uế, không vẩn đục, nên được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. [0725a07] Nếu các thầy nghĩ rằng: uTa thân hành thanh tinh, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cần làm hơn nūa,9 thì này Tỳ-kheo, Ta nói đe thay biết, chớ vì mong cầu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân và khẩu đã thanh tịnh, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, hướng đến sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi. Nhờ ý hành thanh tinh, không tự s 9

công cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uê, không vân đục, nên được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các thay nghĩ rang: "Ta thân, khau và ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không can học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cân làm hơn nữa^, thì này Tỳ-kheo, Ta nói đê thây biêt, chớ vì mong cầu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nêu thân, khâu và ý đã thanh tịnh, nêu muôn câu học thêm nữa thì phải làm những gì? Phải học nuôi mạng thanh tịnh,7 hướng đen sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi. Nhờ nuôi mạng thanh tịnh, không tự cống cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uế, không vẩn đục, nên được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các Thây nghĩ răng: "Ta thân, khẩu, ý và mạng hành thanh tinh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không càn làm hơn nữa" thì này Tỳ-kheo, Ta nói đê thây biêt, chớ vì mong câu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tịnh, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học giữ gìn các căn, thường nhớ đóng chặt các căn, vì mong muốn tỏ ngộ nên thủ hộ niệm tâm để được thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, mắt thấy sắc nhưng không vướng mắc vào tướng của sắc, cũng không đắm vào vị của sắc, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn nhãn căn là đe trong tâm không sanh ra tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn cũng như vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bị đam nhiễm vào vi của các pháp, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn ý căn là để trong tâm không sanh tham muôn, ưu não và các pháp ác, bát thiện. Vì hướng đên mục đích đó mà giữ gìn ý căn. Nêu các thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tinh,

7 Nguyên tác: Mạng hành thanh tịnh ().M. 39: Parisuddho ājīvo (sự nuôi sống thanh tịnh).

182. KINH MÃ ẤP 1207

đã giữ gìn các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cần làm hơn nữa" thi này Tỳ-kheo, Ta nói để thầy biết, chớ vì mong cầu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tịnh, đã giữ gìn các căn, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Tỳ-kheo phải tu tập tỉnh giác khi ra, khi vào, luôn khéo quán sát, phân biệt; khi co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai; khi khoác y Tăng-già-lê? đắp y ôm bát, đi đứng, ngồi nằm, ngủ thức, nói năng hay im lặng... thảy đều tỉnh giác như vậy. [0725bl0] Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tịnh, đã giữ gìn các căn, đã tỉnh giác khi ra, khi vào, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cần làm hơn nữa,9 thì này Tỳ-kheo, Ta nói để thầy biết, chớ vì mong cầu mục đích của Sa- môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tinh, đã giữ gìn các căn, đã tỉnh giác khi ra vào, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Tỳ- kheo phải học song một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vang, hoặc bên gốc cây5 hoặc nơi yên tĩnh, hoặc ở vách núi, hang dá, đất trống, giữa đồng, lùm cây, hoặc trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, bên gốc cây, những nơi yên vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, trải tọa cụ, ngồi kiết-già, thân tâm ngay thẳng,8 quay vào bên trong, tâm không hướng ngoại, đoạn trừ tham lam5 tâm không tranh đoạt, thấy tài sản hay vật dụng sinh hoạt của người khác không khởi ý muốn nó là của mình. Đối với tham lam, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đối với sân hận, hôn trầm, trạo cử cũng vậy. Đoạn nghi trừ hoặc, với các thiện pháp không còn do dự; đôi với nghi hoặc, tâm vị ây đã trừ sạch. Vị ây đoạn trừ năm thứ ngăn che này, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Tỳ-kheo đã đắc định tâm thanh tinh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ, được tâm không lay chuyển, rồi hướng đến chứng đắc Lậu tận trí thông. Vi ấy liền biết như thật đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt; cũng biết như thật đây là lậu, đây là nguyên nhân của lậu, đây là lậu diệt, đây là con đường đưa đến lậu diệt. Vị Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Ta nói vị ấy đúng là Sa-môn, là Phạm chí, là bậc Thánh, là bậc Tinh dục.9

8 Nguyên tác: Chánh thân chánh nguyện (). 9 Tịnh dục ().M. 39: Nahātaka (bậc tịnh hạnh, người đã tắm sạch).

1208 KINH TRƯNG A-HÀM

[0725c04] Thế nào là Sa-môn? Là người dứt trừ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền

nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là góc rê của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khô báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào là bậc Thánh? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu o uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Thánh. Thế nào là bậc Tịnh dục? Là người đã tẩy sạch các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, la nguyên nhân của kho báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Tịnh dục. Chính vì vậy nên được gọi là Sa-môn5 là Phạm chí, là bậc Thánh, là bậc Tinh dục. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

183. KINH MA ÁP1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Ương-kỳ rồi đi đến Xóm Ngựa, ngụ trong tinh xá Mã Lâm. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Người ta thấy các thầy Sa-môn là những Sa-môn. Nhưng nếu có ai hỏi các thầy có đúng là Sa-môn không thì các thầy có tự xưng mình là Sa-môn chăng? Các Tỳ-kheo bạch: - Thưa có, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại nói: -Thế nên, chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn5 các thầy phải tu tập theo con đường thích hợp của bậc Sa-môn512 chử đừng là phi Sa-môn. Sau khi đã tu tập theo con đường thích hợp của bậc Sa-môn? bấy giờ các thầy mới là Sa-môn chân chánh, không phải Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận y phục, ẩm thực, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt khác thì những người cúng dường cho các thầy mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo to lớn. Các thầy nên học như vậy. Thế nào gọi là không phải con đường thích hợp của bậc Sa-môn, không phải bậc Sa-môn? Nếu có tham lam lại không từ bỏ tham lam, có nóng giận lại không từ bỏ nóng giận, có sân hận lại không từ bỏ sân hận,345có che giấu lại không từ bỏ che giấu/ có oán kết lại không từ bỏ oán kết,5 có bon xẻn lại không từ bỏ bon xẻn, có ganh ghét lại không từ bỏ ganh ghét, có dua nịnh lại không từ bỏ dua nịnh, có lường gạt lại không từ bỏ lường gạt, có không biết tự thẹn lại không từ bỏ không biết tự thẹn, có không biết xấu hổ lại không từ bỏ không biết xấu hổ, có ham muốn bất chánh lại không từ bỏ ham muốn bất chánh, có tà kiến lại không từ bỏ tà kiến. Như vậy, những thứ làm cho Sa-môn ô uế, Sa-môn dua nịnh, Sa-môn dối lừa, Sa-môn bất chánh, dẫn họ đến cõi ác vẫn chưa được

1 Nguyên tác: MãẤp kinh, h(roi. 0026.183. 0725c16). Tham chiếu: M. 40, Cūlaassapura Sutta (Tiểu kinh Xóm Ngựa). 2 Nguyên tác: Sa-môn đạo tích (Samanasāmīcippatipada): Đạo lộ thích đáng của bậc Sa-môn. 3 Khuê (yyāpāda): Tâm ác độc, thù nghịch, có ác ý. Sân (,kodho)'. Nóng giận, bực tức. 4 Nguyên tác: Bất ngữ (,makkhà)'. Che giấu. Xem chú thích 6, kinh số 89, tr. 603. 5 Kết ()viết tắt của t4oán kết"().Tham chiếu: M. 40: Palãsa (não hại, ác ý, sự hiểm độc).

đoạn tận. Sự tu học đó không phải là con đường thích hợp của bậc Sa-môn? không phải bậc Sa-môn. [0726a06] Cũng như cái búa6 mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, được bọc trong y Tăng-già-lê. Ta nói những kẻ ngu si học theo con đường của hạng Sa- môn vừa

nêu cũng như vậy. Nghĩa là9 có tham lam lại không từ bỏ tham lam, có nóng giận lại không từ bỏ nóng giận, có sân hận lại không từ bỏ sân hận, có che giấu lại không từ bỏ sự che giấu, có oán kết lại không từ bỏ oán kết, có bon xẻn lại không từ bỏ bon xẻn, có ganh ghét lại không từ bỏ ganh ghét, có dua ninh lại không từ bỏ dua nịnh, có không biết tự thẹn lại không từ bỏ không biết tự thẹn, có không biết xấu hổ lại không tư bỏ không biết xấu hổ, có tham muốn bất chánh lại không từ bỏ tham muốn bất chánh, có tà kiến lại không từ bỏ tà kiến. Thế nên, dù người đó có khoác y Tăng-già-lê nhưng Ta cũng không gọi đó là Sa-môn. Nếu ai khoác y Tăng-già-lê mà khi có tham lam thì dứt trừ tham lam, khi có giận dữ thì dứt trừ giận dữ5 khi có sân hận thì dứt trừ sân hận, khi có che giấu thì dứt trừ che giấu, khi có oán kết thì dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn thì dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét thì dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh thì dứt trừ dua ninh, khi có không biết tự thẹn thì dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ thì dứt trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh thì dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến thì dứt trừ tà kiến, bà con hay bạn bè của người ấy đến nói với họ rằng: "Này Hiền nhân, ông hãy học cách khoác y Tăng-già-lê. Này Hiền nhân, nếu ông học cách khoác y Tăng-già-lê5 khi có tham lam thì sẽ dứt trừ tham lam, khi có giận dữ thì sẽ dứt trừ giận dữ, khi có sân hận thì sẽ dứt trừ sân hận, khi có che giấu thì sẽ dứt trừ che giấu, khi có oán kết thì sẽ dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn thì sẽ dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét thì sẽ dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh thì sẽ dứt trừ dua nịnh, khi có không biết tự thẹn thì dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ thì dứt trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh thì sẽ dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến thì sẽ dứt trừ tà kiến.^, Nhưng Như Lai thấy rằng, có người tuy khoác y Tăng-già-lê nhtrng vẫn có tham lam, có giận dữ, có sân hận, có che giấu, có oán kết, có bon xẻn, có ganh ghét, có dua nịnh, có lường gạt, có không biết tự thẹn, có không biết xấu hổ, có tham muốn bất chánh và có tà kiến. Thế nên, dù người đó có khoác y Tăng-già- lê nhưng Ta cũng không gọi đó là Sa-môn. Cũng như vậy, những người lõa hinh, bện tóc, không ngồi, ăn một bữa, thường vẩy nước, thọ trì nước, tùy thuộc vào nghi lễ tắm rửa... Ta nói những người ấy không phải là Sa-môn. Bởi nếu người nào thọ trì nước mà khi có tham thì dứt trừ tham, khi có giận dữ thì dứt trừ giận dữ, khi có sân hận thì dứt trừ sân ^Nguyên tác: Việt phủ ().M. 40: Mataja (một loại vũ khí có 2 lưỡi rất sắc bén), HT. Thích Minh Chau dịch.

183. KINH MÃ ẤP (2) 1211

hận, khi có che giấu thì dứt trừ che giấu, khi có oán kết thì dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn thì dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét thì dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh thì dứt trừ dua nịnh, khi có không biết tự thẹn thì dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ dứt thì trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh thì dứt trừ tham muốn bất cháiứi, khi có tà kiến thì dứt trừ tà kiến, những bà con hay bạn bè của người ấy đến nói với họ rằng: "Này Hiền nhân, ông hãy thọ trì nước. Thọ trì nước rồi, khi có tham sẽ dứt trừ tham, khi có giận dữ sẽ dứt trừ giận dữ, khi có sân hận sẽ dứt trừ sân hận? khi có che giấu sẽ dứt trừ che giấu, khi có oán kết sẽ dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn sẽ dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét sẽ dứt trừ ganh ghét, khi có dua ninh sẽ dứt trừ dua nịnh, khi có không biết tự thẹn sẽ dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết

xấu hổ sẽ dứt trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh sẽ dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến sẽ dứt trừ tà kiến." Nhưng Ta thấy rằng, những người thọ trì nước vẫn cứ tham lam, giận dữ, sân hận, che giau, oán kết, bon xẻn, ganh ghét, dua nịnh, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, tham muốn bất chánh và tà kiến. Cho nên, những người thọ trì nước như vậy Ta không gọi họ là Sa-môn. Đó không phải là con đường thích hợp của bậc Sa-môn, không phải là bậc Sa-môn. [0726bl2] Thế nào gọi là con đường thích hợp của bậc của Sa-môn, chẳng phải phi Sa-môn? Đó là khi có tham liền dứt trừ tham, khi có giận dữ liền dứt trừ giận dữ, khi có sân hận liền dứt trừ sân hận, khi có che giấu liền dứt trừ che giấu, khi có oán kết liền dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn liền dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét liền dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh liền dứt trừ dua ninh, khi có không biết tự thẹn liền dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ liền dứt trừ không biết xấu hổ? khi có tham muốn bất chánh liền dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến liền dứt trừ tà kiến. Như vậy, những thứ làm cho Sa-môn ô uế, Sa-môn dua nịnh, Sa-môn trá ngụy, Sa-môn tà vạy, dẫn họ đến nẻo ác đều được đoạn tận. Sự tu học đó là con đường thích hợp của bậc Sa-môn9 chẳng phải phi Sa-môn. Đó gọi là con đường thích hợp của bậc Sa-môn, chẳng phải phi Sa-môn. Như vậy, vi ấy thành tựu giới, thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh và ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không sân giận, không hôn trầm, không trạo cử, không kiêu ngạo, đoạn nghi trừ hoặc, chánh niệm tỉnh giác, không ngu si. Tâm vi ấy tương ưng với từ, thành tựu và an trú đầy khắp một phương; cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng, phương trên và phương dưới, đầy khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không dính mắc, không thù oán, không tức giận, không hơn thua, rộng lớn vô cùng vô lượng, thành tựu và an trú đầy khắp tất cả thế gian. Cũng vậy với bi và hỷ. Lại nữa, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, thành tựu và an trú đầy khắp tất cả thế gian. Vị ấy suy nghĩ như

Vầy: "Ta biết như thật rằng có thô, có diệu, có tưởng, có giải thoát cao thượng."7 Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm vị ấy giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát rồi, vị ấy biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0726c02] Cũng như cách thôn xóm không xa có ao tắm mát lành, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, hoa thơm bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, đói khát mệt mỏi, liền cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm, rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng khát. Giả sử từ phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng có một người đến, đói khát mệt mỏi, liền cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm, rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng khát. Cũng giống như vậy, một người thiện nam dòng Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người nào với nội tâm tĩnh chí, Ta nói vi ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là bậc Thánh, là bậc Tịnh dục. Cũng vậy, một người thiện nam dòng dõi Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học

đạo, thực hành nội tâm tĩnh chí, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người nào với nội tâm tĩnh chí, Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là bậc ThánlC là bậc Tinh dục. Thế nào là Sa-môn? Là người dứt trừ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào là bậc Thánh? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Thánh. Thế nào là bậc Tịnh dục? Là người đã tẩy sạch các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khô báo phiền nhiệt và của sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Tịnh dục. Như thế gọi là Sa-môn, là Phạm chí? là bậc Thánh, là bậc Tinh dục. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Nguyên tác: Lai thượng xuất yếu ().Tham chiểu: M. 49: Ito capanaññarn uttari nissaranam natthī (ngoài cái này không có một giải thoát nào khác hơn), HT. Thích Minh Châu dịch.

184. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA1 1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bạt-kỳ, ngụ trong rừng Ngưu Giác Sa-la12 cùng với số đông các đệ tử lớn, là những Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Ly-việt-đa và Tôn giả A-nan.3 Các đệ tử lớn là những Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức như vậy đã cùng du hóa tại Bạt-kỳ, ngụ trong rừng Ngưu Giác Sa-la, ở gần bên ngôi tịnh thất lợp bằng lá cua Phật. [0727a04] Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Đại Mục- kiền-liên, Ton giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên và Tôn giả A-na- luật-đà đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đi qua, liền bạch: -Hiên giả Ly-việt-đa nên biêt, khi đêm đã qua, vào buôi sáng sớm, các Tôn giả như Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Cg-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên và Tôn giảA-na-luật-đà đi đến chỗ Xá-lợi-phất Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất? hoặc giả 9 . eA * . r CÓ thê nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiêu từ Tôn giả Xá-lợi-phât. Nhân đó, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa và Tôn giả A-nan cùng đi đến chỗ Xá-lợi-phất. Tôn giả Xá-lợi-phất từ xa thấy các bậc Thượng tôn đi đến, Tôn giả Xá-lợi-phất nhân thấy các bậc Thượng tôn ấy nên nói: Kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan! Thầy là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý Thế Tôn, thường được đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây

1 Nguyên tác: Ngưu Giác Sa-la lâm kinh, thượng ,_troi. 0026.184. 0726c25. Tham chiêu: Tăng.r.02. 0125.37.3. 0710c05; M. 32, Mahāgosinga Sutta Đại kinh

rừng Sừng Bô. 2 Nguyên tác: Ngưu Giác Sa-la lâm Gosiñgasālavanadāya , khu rừng ở gần Nādikā, xứ Vajjī. 3 Các vị đệ tử lớn như: Tôn giả Xá-lê tử Sāriputta, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên , Mahāmoggalāna, Tôn giả Đại Ca-diếp Mahākassapa, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên Mahakaccayāna, T ôn giả A-na-ĩuật-đà Anuruddha, Tôn giả Ly-việt-đa , Revata, Tôn giả A-nan :Ānanda.

Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giảA-nan5 những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-nan đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo nào học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều, với những pháp phần đầu vi diệu, phan giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh, những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiêu, tụng tập đến ngàn lần, chuyên tâm tư duy, quán sát, thấy rõ, hiểu sâu; vị ấy thuyết pháp cô đọng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiêt sử. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Hiền giả Ly-yiệt-đa! Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa? những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? [0727b03] Tôn giả Ly-việt-đa đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo nào ưa tọa thiền, nội tâm dừng lắng/ không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích thanh vắng, ưa chỗ yên tĩnh, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả A-na-luật-đà! Hiền giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà? những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn; ở trong một ngàn thế giới, chỉ với một ít nỗ lực/ nhưng vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nông, chỉ với một ít nỗ lực5 nhưng vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất? cũng vậy? nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn; ở trong một ngàn thế giới, chỉ với một ít nỗ lực, nhưng vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phât, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.*

4 Nguyên tác: Nội hành chỉ .M. 32: Ajjhattarn cetosamathānuyutto nội tâm thực hành tịnh chỉ. 5 Nguyên tác: Thiểu phương tiên :Một sự cố gắng ít ỏi.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Ca-chiên-diên! Hiền giả A-na-luật-đà đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Thật đáng yêu thay,

rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Ca-chiên-diên đáp: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý sâu xa của A-tỳ-đàm?6 những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Tôn giả Đại Ca-diếp! Hiền giả Ca-chiên-diên đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Thật đáng yêu thay, rừng Ngiru Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp5 những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? [0727c01] Tôn giả Đại Ca-diếp đáp: Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo tự mình ở nơi thanh vắng7 và khen ngợi hạnh ở nơi thanh văng, tự mình ít ham muôn và khen ngợi hạnh ít ham muốn, tự mình biết đủ và khen ngợi hạnh biết đủ5 thích sống một mình với hạnh xa lìa và khen ngợi việc thích sống một mình với hạnh xa lìa, tự mình tu hành tinh tấn và khen ngợi sự tu hành tinh tấn, tự mình thiết lập chánh niệm tỉnh giác và khen ngợi sự thiết lập chánh niệm tỉnh giác, tự mình đắc định và khen ngợi sự đắc định, tự mình có trí tuệ và khen ngợi sự có trí tuệ, tự mình các lậu đã sạch và khen ngợi các lậu đã sạch, tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến được hoan hỷ8 và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ. Thưa Hiền giả Xá-lọi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Mục-kiền-liên! Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Mục-kiền-liên9 những Tỳ-kheo nào có the làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? 6A-tỳ-đàm ,Abhỉdhammà còn gọi là A-tỳ-đạt-ma ,dịch nghĩa là Luận tạng, Thắng pháp hoặc Vo tỷ pháp n của tạng thứ 3 trong Tam tạng. 7 Vô sự arañña ka chỉ cho vị Tỳ-kheo tu theo hạnh sống ừong rừng. 8 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, như có Tỳ-kheo nào có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, được tự tại vô lượng như ý túc. Vị ấy hiển bày vô lượng như ý túc, từ một thân biến thành nhiều thân, từ nhiều thân biến thành một thân, muốn một thân thì trụ một thân, có thể biết, có thể thấy,9 xuyên qua vách đá như hư không, không bị ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như trong nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung, ngồi kiết-già như loài chim; với mặt trăng và mặt trời này vốn có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn mà vị ấy có thể đưa tay nắm bắt, thân cao đến trời Phạm Thiên. Tôn giả Xá-lọi-phất, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi: -Tôn giả Xá-lọd-phất, tôi và các bậc Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiên giả Xá-lợi-phât, những Tỳ-kheo nào có thê làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Hiên giả Mục-kiên-liên, nêu có Tỳ-kheo tùy ý vận tâm tự tại chứ không bị lệ thuộc tâm, vị áy nêu muôn an trú chánh đinh vào lúc nào thì đêu được tùy ý, muốn thành tựu10 vào buổi sáng thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi sáng, vi ấy nếu muốn an trú chánh đinh vào buổi trưa hay buổi chiều thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiên giả Mục-kiên-liên? ví như vua quan có nhiêu y phục màu sac rực rỡ, nêu họ muốn mặc loại nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nấu họ muốn mặc loại nào vào buổi trưa hay buổi chiều, họ liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo tùy ý vận tâm tự tại chứ không bị lệ thuộc tâm, vị ấy nếu muốn an trú chánh định vào lúc nào thì đều được tùy ý? muốn thành tựu vào buổi sáng thì vị ấy liền an tru chánh đinh và thành tựu vào buổi sáng; vị ấy nếu muốn an tru chánh định vào buổi trưa hay buổi chiều thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. [0728all] Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên? chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Phật để biết rằng, trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào đã nói đúng.

9 Nguyên tác: Nhấtdc trụ nhất, hữu tri hữu kiến ,.Tham chiếu: M. 32: Āvibhāvam tirobhāvaĩn hoặc ân hoặc hiện. 10 Nguyên tác: Trung tiền du hành Theo Hán dịchA-hàm kỉnh từ điển , nghía là thành tựu vao buổi sáng .

184. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA (1) 1217

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả Đại Ca- diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-dien, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa và Tôn giả A-nan, tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Ton giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay vào buổi sáng sớm, có Hiền giả Mục-kiền-liên, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Đại Ca-chiên-diên, Hiền giảA-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa và Hiền giả A-nan, tất cả đều đi đến chỗ con. Con thấy chư Hiền đến, nhân đó mới nói rằng: "Kính chào Hiền giả A-nan,11 Thầy là thị giả của Thế Tôn, hiếu được ý The Ton, thường được đức The Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngqi." Lúc ấy, con hỏi Hiền giả A-nan rằng: "Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngiru giác Sa-la?” Hiền giả A-nan liền trả lời con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo nào học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều, với những pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đên ngàn lân, chuyên ý tư duy, quán sát, thây rõ, hiêu sâu; vị ây thuyêt pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như

vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này." [0728004] Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất? đúng như lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa văn. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ly- việt-đa: "Hiền giả A-nan đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trâng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa- la?" Hiền giả Ly-việt-đa liền trả lời con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo nào ưa tọa thiền, nội tâm dừng lắng, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích thanh vắng, ưa chỗ yên tĩnh; thưa Tôn giả Xá-lợi- phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lọd-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa thích tọa thiền.

11 Trong nguyên tác, “Kính chào Hiền giả A-nan" 3 lần.

1218 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: "Hiền giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sala.” Hiền giả A-na-luật-đà liền trả lời con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lợi-phất9 nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, chỉ với một ít nỗ lực, nhưng trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phât5 ví như người có mát ở trên lâu cao nhìn xuống khu đát trống, có một ngàn gò nồng, chỉ với một ít nỗ lực, nhưng chốc lát cũng có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong ngàn thê giới, chỉ với một ít nô lực, nhưng chóc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.” [0728c0l] Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Xá-lọi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã thành tựu thiên nhãn. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đà nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Đại Ca-chiên-diên: :Hiền giả A-na-luật-đà đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Đại Ca-chiên-diên: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-chiên-diên? những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?" Hiền giả Đại Ca-chiên-diên liền trả lời con răng: “Thua Tôn giả Xá-lọd-phât, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận vê nghĩa lý sâu xa của A-tỳ-đàm, những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá- lọi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.” Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lọi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên là phân biệt Pháp sư. Tôn giả

Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Ton, Hiền giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: "Hiền giả Đại Ca-chiên-diên đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?" Tôn giả Đại Ca-diếp trả lời con rằng: "Hiền giả Xá-lợi-

phát, nêu có Tỳ-kheo tự mình ở nơi thanh văng và khen ngợi hạnh ở nơi thanh văng, tự mình ít ham muôn và khen ngợi hạnh ít ham muốn, tự mình biết đủ và khen ngợi hạnh biết đủ5 thích sống một mình với hạnh xa lìa và khen ngợi việc thích sống một mình với hạnh xa lìa, tự mình tu hành tinh tấn và khen ngợi sự tu hành tinh tấn, tự mình thiết lập chánh niệm tỉnh giác và khen ngợi sự thiết lập chánh niệm tỉnh giác, tự mình đắc định và khen ngợi sự đắc định, tự mình có trí tuệ và khen ngợi sự có trí tuệ, tự mình các lậu đã sạch và khen ngợi các lậu đã sạch, tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích le, khiến được hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợri-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.” Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp thường tu hạnh vô sự. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi: "Hiền giả Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Đại Mục-kiền-liên: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?^Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền trả lời con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lqi-phất, nếu Tỳ-kheo có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, được tự tại vô lượng như ý túc. Vị ấy thực hiện vô lượng như ý túc, từ một thân biến thành nhiều thân, từ nhiều thân hợp thành một thân, muốn một thì trụ một, có thể biết, có thể thấy, có thể xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như trong nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung, ngồi kiết-già như loài chim; với mặt trời và mặt trăng này vốn có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, vốn có oai thần lớn mà vị ấy có thể đưa tay nắm bắt vì thân cao đen cõi trời Phạm Thiên. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Đại Mục-kiền- liên đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên có như ý túc lớn. Bấy giờ? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con và các Tôn giả nói như vậy rồi, liền thưa Tôn giả Xá- lợi-phất rằng: "Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi và các Tôn giả, mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la

đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-phất9 những hạng Tỳ- kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?" Tôn giả Xá-lợi-phất liền trả lời con rằng: "Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo vận tâm tự tại chứ không phải lệ thuộc tâm. Nếu muốn an trú định nào thì vị ấy vào buổi sáng an tru định ấy. Nếu muốn an trú định nào vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vi ây an trụ đinh ây vào buôi trưa hay buổi chiêu. Hiên giả Đại Mục-kiên- liên, ví như y phục của vua quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc loại nào vào buổi sáng, liên lây mặc vào. Nêu họ muôn mặc loại nào vào buổi trưa hay buổi chiều thì liền lấy mặc. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, cũng vậy? Tỳ- kheo vận tâm tự tại, chứ không phải lệ thuộc tâm. Nấu muốn an tru đinh nào, vị ấy vào buổi sáng an tru đinh ấy. Nếu muốn an trú đinh vào buổi trưa hay buổi chiêu, tức thì vị ây an trụ định ây vào buôi trưa hay buôi chiêu. Hiên giả Đại Mục-kiền-liên, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Đại Mục-kiền-liên5 đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vận tâm tự tại. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, con bảo rằng: "Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên5 chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ đức Phật, để biết trong những điều vừa tranh luận ấy, vi nào nói dung?9 Bạch Thế Tôn, trong chúng con ai nói đúng? The Ton đáp: Này Xá-lợi-phất, tất cả đều nói đúng. Vì sao như vậy? Vì các pháp đó chính là những điều Ta đã nói. Xá-lợi-phất, hãy nghe Như Lai nói. Vị Tỳ-kheo như vầy sẽ làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Này Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, vị ây đăp y ôm bát vào thôn khát thực, khéo giữ gìn thân, khéo phòng hộ các căn, khéo giữ tâm niệm. Sau khi khất thực xong, vào lúc xế trưa, vị ấy thu xép y bát, rửa chân tay, vát tọa cụ lên vai, đên nơi văng vẻ, hoặc bên góc cây hay chỗ thanh vắng, trải tọa cụ ngồi kiết-già, ngồi cho đến khi chứng lậu tận mới xả kiêt-già. Vi ấy không xả kiết-già cho đến khi nào chứng được lậu tận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

185. KINH rùng ngưu giác SA-LA1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật du hóa trong dân chúng Na-ma-đề12 và ngụ tại tinh xá Kiền-kỳ.3 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Na-ma-đề khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Ngài đi đến khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Lúc ấy, trong rừng Ngưu Giác Sa-la có ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc đang ở cùng nhau, đó là Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.4 Ba Tôn giả ấy thỏa thuận như vầy: Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang chậu rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước và chậu rửa; nêu có thê dùng hét thức ăn đã khát thực được thì cứ dùng, nếu không dùng hết thì cất giữ cẩn thận thức ăn còn thừa; thọ thực xong, cát bình bát, rửa tay chân, vát tọa cụ lên vai roi vào nhà I1ỆÔÌ tĩnh tọa. Nêu ai khát thực về sau, nêu có thê dùn^ hét thức ăn thì cứ díing, nêu không đủ thì lấy thức ăn của người trước để lại roi đem dùng cho đủ, nếu còn thừa nữa thì đem đổ

vào chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Vi ấy lấy đồ đựng thức ăn của người kia rửa lau thật sạch rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, xếp ghế rửa chân, cất khăn lau chân, cất chậu rửa chân, bình nước và chậu rửa, quét dọn sạch sẽ nhà ăn, cất y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai rồi vào nhà tĩnh tọa. Các Tôn giả tĩnh tọa cho đến chiều. Nếu ai đứng dậy trước ma thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đi lấy, nếu xách nổi thì xách, nếu xách không nổi thì vẫy tay báo hiệu cho một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một bên, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau. Các vi ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc yên lặng như bậc Thánh.

1 Nguyên tác: Ngưu Giác Sa-la lâm kinh, hạ (roi. 0026.185. 0729b27). Tham chiêu: Tăng.(T.02. 0125.24.8. 0626b 11); M. 31, Cūlagosiñga Sutta (Tiểu kỉnh rừng Sừng Bò); Mv. 10.48-52. 2 Na-ma-đề-sấu ().M. 31: Nadikesu (giữa những người Nādikā). Tộc người này được đề cập trong/). 18. 3 Nguyên tác: Kiền-kỳ tinh xá ().M. 31: Giñjakāvasathā (một tinh xá bằng gạch). 4 Tôn giảA-na-luật-đà (Anuruddha), Tônrgiả Nan-đề (Nandiya) và Tôn giả Kim- tỳ-la (Kimbila): Ba vị Tôn giả này cùng xuất gia khi Phật vê thăm Ca-tỳ-la-vệ (, Kapilavatthu).

Bấy giờ? người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến thì đón lại và quở trách: Sa-môn! Sa-môn! Chớ vào khu rừng này. Vì sao như vậy? Vì trong khu rừng này hiện có ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc đang ở cùng nhau, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la. Nếu thấy ông, chắc họ sẽ không hài lòng. Đức Phật bảo: Này người giữ rừng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không hài lòng. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền quở trách người giữ rừng: -Này người giữ rừng, chớ có ngăn cản đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ có quở trách đấng Thiện Thệ. Vì sao như vậy? Vì đó là Tôn sư của tôi đang 4-Á 1 5 4. Á r-pl • rrnl /X 7 J /\ • 4-4-Á đen, la đang Thiện Thệ cua toi đang đen. Roi Tôn giả A-na-luat-da ra rước Thê Tôn, đon lây y bát. Ton gia Nan-de trải giường ngồi. Tôn giả Kim-tỳ-la đi lấy nước. [0730a02] Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi rửa tay xong thì ngồi xuống chỗ đã dọn sẵn. Khi đã ngồi yên thì Ngài hỏi: -Này A-na-luật-đà, thầy có thường an ổn? không thiếu thốn chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn5 không thiếu thốn gì. The Ton lại hoi: Này A-na-luật-đà, vì sao thây được an ôn, không thiêu thôn gì? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thê Tôn, con nghĩ răng, con nhờ có thiện lợi, có công đức lớn, vì con được tu tập cùng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, trước mặt hay sau lưng cũng vậy; tu khẩu nghiệp từ hòa và ý nghiệp từ hòa, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này." Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không hài lòng. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không thiếu thốn gì. Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả này cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: Thầy có thường an ổn, không thiếu thốn chăng? Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không thiếu thốn gì. Đức Phật lại

hỏi: -Này Kim-tỳ-la, vì sao thầy thường được an ổn, không thiếu thốn gì?

185. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA (2) 1223

Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, con nhờ có thiện lợi, có công đức lớn, vì con được tu tập cùng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, trước mặt cũng như sau lưng; tu khẩu nghiệp từ hòa và ý nghiệp từ hòa, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các vị Hiên giả này." Roi con xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không hài lòng. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không thiếu thốn gì. Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, các thầy thường cùng nhau hòa hợp, an ổn, không tranh chấp như vậy? cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp như nước với sữa. Thế nhưng, các thầy có chứng đắc pháp Thượng nhân đê sông an lạc trong thiên định5 chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: r 9

Bạch Thê Tôn, quả như vậy, chúng con thường cùng hòa hợp an ôn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân để sống an lạc trong thiền định. Bạch Thê Tôn, chúng con ly dục, ly pháp ác bát thiện,... (cho đên) chứng đao, thành tựu và an tru Thiền thứ tư. Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con thường cùng hòa hợp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân để sống an lạc trong thiền định. [0730b04] Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà? bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân nào khác để sống an lạc trong đinh ấy không? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an tru định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong định ấy. Bạch Thế Tôn, tâm của con tương ưng với từ, thành tựu và an tru đay khắp một phương; cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, đầy khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không dính mắc, không thù oán, không tức giận, không hơn thua, rộng lớn vô cùng vô lượng, thành tựu và an trú đầy khắp tất cả thế gian. Cũng vậy với bi và hỷ. Lại nữa, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, thành tựu và an tru đầy khắp tất cả thế

5 Nguyên tác: Sai giáng an lạc trụ chỉ ().M. 31: Phāsuvihāro (sống an lạc và thanh thản).

gian. Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sông an lạc trong định áy. Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà? bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa đê đưa đến sống an lạc trong đinh ấy chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế

Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn dây, vượt qua đây, lại còn có Sự chứng đác pháp của bậc Thượng nhân khác nữa đê đưa đên sông an lạc trong định ấy. Bạch The Tôn, chúng con vượt tất cả sắc tưởng,... (cho đến) chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xú*, thành tựu an trú trong đây. Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an tru định này, hơn đây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong định áy. Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà5 bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong đinh ấy chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch The Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn dây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong đinh ay. Bạch Thế Tôn, chúng con chứng đắc như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã sạch, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn dây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong đinh ấy. [0730c04] Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà5 bỏ qua sự an trú đinh này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong định ấy chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch The Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, không còn có sự chứng đác pháp của bậc Thượng nhân nào khác nữa để sống an lạc trong định ấy. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như vầy: "Chỗ an tru của những Ty-kheo con nhà hào tộc này thật là an ôn và hân hoan. Hôm nay, Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe." Nghĩ như vậy rồi, Thế Tôn liền thuyết ph cho Tôn giả A-na-luật-đà,

185. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA (2) 1225

Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ.6 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiên cho họ hoan hỷ roi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la đi theo đức Thế Tôn được một quãng rồi trở lại trú xứ. Tôn giả Nan-dề, Tôn giả Kim-tỳ-la khen Tôn giả A-na-luật-đà rằng: Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà? trước đây, chúng tôi chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy. Chúng tôi có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn như vậy, nhimg Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước đức Thế Tôn. Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la rằng: -Lành thay! Lành thay! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe Tôn giả có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn như vậy, nhimg một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả; Tôn giả có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai than lớn, vì the, đứng trước đức Thế Tôn, tôi mới trình bày như vậy. Bấy giờ, có vị trời Trường Quỷ7 hình dáng cực diệu, sáng chói rực rỡ. Lúc đêm gần tàn, trời vừa rạng sáng thì vị trời ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch Thể Tôn: Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim- tỳ-la cư

trú. [0731a01] Các địa thần nghe vị trời Trường Quỷ nói, liền làm cho âm thanh ấy vang lớn thêm: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà? Nan- đề và Kim-tỳ-la cư tru.,^ Nghe âm thanh vang dội truyền đi bởi địa thần, các cõi trời như: Hư Kh6ng, Tứ Thiên Vương, Ba Mươi Ba, Diệm-ma9 Đâu-suất-đà? Hóa Lạc và Tha Hóa Lạc, trong khoảnh khắc đều làm cho âm thanh ấy vang thấu đến cõi Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la cư trú.” The Ton bảo: -Đúng vậy! Đúng vậy! Này Trường Quỷ, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la cư trú.

6 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ().Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48. 7 Nguyên tác: Trường Quỷ thiên ().M. 31: Dīgho parājāno yakkho (vị dạ-xoa có thân dài kỳ lạ).

Này Trường Quỷ, các địa thần nghe tiếng nói của ông rồi liền làm cho âm thanh ấy vang lớn ra: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la cư trú." Nghe theo âm thanh vang dội truyền đi bởi địa thần, các cõi khác như: Hư Không, Tứ Thiên Vương, Ba Mươi Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà? Hóa Lạc và Tha Hóa Lạc, trong khoảnh khao cũng đã làm cho âm thanh ấy vang thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đê và Kim-tỳ-la cư trú." Này Trường Quỷ, nêu ba gia đình hào tộc kia có ba người con hào tộc này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì ba gia đình hào tộc ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con, họ sẽ được nhiều lợi ích, được an ổn và hân hoan lâu dài. Nếu như thôn ấp nào hoặc chư Thiên,:Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ người đen trời mà k nhớ nghĩ đên nhân duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi hào tộc ây thì họ sẽ được nhiêu lợi ích, được an ôn và hân hoan lâu dài. Này Trường Quỷ, vì ba người con dòng dõi hào tộc ấy có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn và có oai thần lớn như vậy. Đức Phật dạy như vậy, ba người con dòng hào tộc và Trường Quỷ sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

186. KINH CÀU GIẢI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thi trấn Kiếm- ma-sắt-dàm, thuộc nước Câu-lâu.12 Bây giơ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo: -Duyên theo3 tâm của kẻ khác mà không biết như thật về tâm của họ thì người đó không thể hiểu đức Thế Tôn có phải là bậc Giác Ngộ viên mãn4 hay không. Vậy làm sao để hiểu được Như Lai? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thê Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: -Này các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các thầy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy:

Duyên theo tâm của kẻ khác mà không biết như thật về tâm của họ thì cần phải dựa vào hai pháp để tìm hiểu về Như Lai. Một là sắc được biết bởi mắt và hai là âm thanh được nghe bởi tai. Những pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ây? Sau khi tìm hiêu thì biêt răng những pháp ô nhiêm được biêt bởi măt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nêu ở đó không c6, lại phải tìm hiểu thêm nữa. Những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đó không có, phải tìm hiểu thêm nữa. Những pháp hoàn toàn thanh tịnh được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng những pháp hoàn toàn thanh

1 Nguyên tác: cầu giải kinh (T.01. 0026.186. 0731a29). Tham chiếu: M. 47, Vīmarhsaka Sutta (Kinh tư sải). 2 Câu-lâu đô ấp ().Xem chú thích 3, kinh số 10, tr. 55. 3 Nguyên tác: Duyên ư ().M. 47: Paticca (nhân vì).

4 Nguyên tác: Chánh tận giác ()Bậc giác ngộ hoàn toàn (Sammāsambuddhassā).

tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đó có, lại phải tìm hiểu thêm nữa. Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu Tôn giả ấy thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa. Tôn giả ấy thể nhập vào thiền này là vì danh dự5 vì lợi lộc hay không phải vì danh dự và lợi lộc? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng Tôn giả ấy thể nhập vào thiền này không phải là tai hại. Nếu có người nói như vầy: "Tôn giả ấy ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đắm nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch,5 thì nên hỏi người ấy ràng: "Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình quán sát đúng như thật rằng: 'Tôn giả ấy ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đam nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch?"' Nếu người ấy trả lời như vầy: “Này Hiền giả! Tôi không biêt được tâm trí của vị ây, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biêt. Thê nhưng, vị Tôn giả ấy trong khi sống một mình, hoặc ở trong chúng, hoặc ở nơi hội họp, nơi có đức Thiện Thệ, hoặc nơi có bậc Tông chủ được giáo hóa bởi đức Thiện Thệ, hoặc trong lúc vị Hiền giả đó đi khất thực thì đích than tôi được nghe từ chính Tôn giả ấy, không phải do tôi tự suy đoán, đã trực tiếp ghi nhận như vầy: 'Tôi ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đam nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch/ Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy khiến tự thân tôi quán sát đúng như thật rang: 'Tôn giả ấy ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đam nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch.'" [073lc06] Trong trường hợp này, lại cần phải hỏi vị ấy thêm nữa về pháp của Như Lai: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp nào mà pháp ấy bị diệt sạch không còn sót gì chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp nào mà pháp ấy bi diệt sạch không còn sót gì chăng? Nêu có pháp hoàn toàn thanh tịnh, có trường hợp nào mà pháp ấy bị diệt sạch không còn gì chng?" Như Lai liền trả lời người ấy: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt sạch hoàn

toàn. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt sạch hoàn toàn. Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai đã diệt sạch, đã đoạn trừ, đã nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai đã diệt sạch, đã đoạn trừ, đã nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp hoàn toàn thanh tinh thì với pháp hoàn toàn thanh tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, đạo Sa-môn như vậy, Như Lai như vậy mà thành tựu nơi giáo pháp nay.”

186. KINH CÀU GIẢI 1229

CÓ vị đệ tử tịnh tín đến chiêm bái Như Lai, phụng trì Như Lai, nghe pháp từ Như Lai và được Như Lai giảng nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng.5 Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng; sau khi nghe như vậy, như vậy rồi, vị ấy biết tường tận từng pháp một, chứng đắc rốt ráo đối với các pháp rồi khởi niềm tin tuyệt đối với Thế Tôn: “Thế Tôn là bậc Giác Ngộ viên man/9 ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng: "Này Hiền giả! Do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể biết tường tận từng pháp một, chứng đác rót rao đoi vơi các pháp roi khởi niêm tin tuyệt đoi vơi The Ton: The Ton là bậc Giác Ngộ viên mãn?9,9 Vi ấy sẽ trả lời như vầy: "Này Hiền giả, tôi không biết tâm trí của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết, nhưng từ nơi Thế Tôn mà tôi có niềm tin tuyệt đối như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng. Này Hiền giả! Đúng như những điều mà Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe và tôi đã nghe như vậy, như vậy. Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng; sau khi đã nghe như vậy, như vậy rồi, tôi biết tường tận từng pháp một, chứng đắc rốt ráo đối với các pháp rồi khởi niềm tin tuyệt đối với Thế Tôn: 'Thế Tôn là bậc Giác Ngộ viên mãn.9 Này Hiền giả! Do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi biết tường tận từng pháp một, chứng đác rót ráo đôi với các pháp roi khởi niêm tin tuyệt đoi vơi The Ton: The Ton la bạc Giác Ngọ viên man vạy. Nếu ai có hành vi này, cùng năng lực này, tin sâu nơi Như Lai, khi gốc tin đã vững thì được gọi là niềm tin khế ứng với trí bất hoại vì thấy rõ gốc rễ, thế nên hàng Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thê gian không thê tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiêu vê Như Lai. Hãy như vậy mà nhận biết đúng như thật về Như Lai. Đức Phật dạy vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.6

5 Nguyên tác: Thiện trừ hắc bạch ().Tham chiếu: Tự hoan hỷ kinh (roi. OOOl.l
8. 0076c 19): Như Lai đã dạy cho con các pháp cao xa, vi diệu, các pháp đen, pháp trắng, hữu duyên, vô duyên, minh và vô minh (,.=.)
D. 28, Sampasādanīya Sutta (Kinh tự hoan /zỷ):/4Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho cọn, mỗi pháp lại cao úiượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đêu được đê cập, đôi chiêu" (HT. Thích Minh Châu dịch). 6 Bản Hán, hết quyển 48.

187. KINH THUYẾT TRÍ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu có Tỳ-kheo nào đến trước các thầy trình bày về trí đã chứng đắc và biết đúng như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa", khi các thầy nghe nói vậy thì nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.12 Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy hãy hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: “Thua Hiền giả! Đức Thế Tôn đã nói năm thủ uan3 là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về năm thủ uẩn để được biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm đã giải thoát?” Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vay: "Thua chư Hiền! sắc thủ uẩn vốn không thật, rỗng không, không đáng ham muốn, không thường hằng, không đáng nương tựa, là pháp biến đổi. Tôi biết rõ như vậy. Nếu đối với sắc thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc và bi trói buộc sai khiến thì những thứ ây đã được đoạn trừ tát cả? không còn tham dục, tịch tinh, văng lặng; từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu? tâm đã giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn cũng không thật, rỗng không, không đáng ham muốn, là pháp không thường hang, không đáng nương tựa, là pháp biến đổi. Tôi biết rõ như vậy. Nếu đối với thức thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc và bị sự trói buộc sai khiến thì những thứ ấy đã được đoạn trừ tất cả, không còn tham dục, tịch tịnh, vắng lặng; từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm đã giải thoát. Thưa chư Hiền! Đối với năm thủ uẩn này, tôi biết như vậy và thấy như vậy nên tự biết được rằng mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát.' Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy.

1 Hâu tụng (thứ năm). Quyển 49. Nguyên tác: Thuyết trí kỉnh (r o l. 0026.187. 0732a21). Tham chiểu: M. 112, Chabbisodhana Sutta (Kỉnh sáu thanh tịnh). 2 Thamr chiếu: M. 112: N'eva abhinanditabbarn nappatikkositabbam (không hoan hỷ cũng không phản đối). 3 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm ().Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75.

[0732b 11] Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả! Đức Thế Tôn đã nói có bốn loại thức ăn? chúng sanh nhờ đó mà được nuôi dưỡng sinh tồn. Là bốn loại nào? Một là đoàn thực có thô và tế. Hai là xúc thực. Ba là ý niệm thực. Bốn là thức thực. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về bốn loại thức ăn này, để biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoat?" Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: "Này chư Hiền! Đối với đoàn thực, tâm tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê5 không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong,

không còn tái sanh nữa? Cũng như vậy, đôi với xúc thực, ý niệm thực và thức thực, tâm tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê5 không ràng buộc, không nhiễm, không đam, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.9 Này chư Hiền, tôi biết như vậy và thấy như vậy đối với bốn loại thức ăn này nên biết được rang mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát." Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành xong, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thưa Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói về bốn cách nói. Là bốn cách nào? Một là, thấy thì noi thấy. Hai là, nghe thì nói nghe. Ba là, hiểu thì nói hiểu. Bốn là, biết thì nói biết. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về bốn cách nói đê biêt được răng mình không còn châp thủ, đã dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát?" [0732c02] Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: “Thua chư Hiền! Đối với cái được thấy thì nói thấy, tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Cũng vậy, đôi với cái được nghe thì nói được nghe, hiểu thì nói hiểu, biết thì nói biết, tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiêm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.' Này chư Hiền! Tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bốn cách nói này nên biết được rằng, mình không

còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoat?9 Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói sáu xứ bên trong, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về sáu xứ bên trong này, để biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các phiền não lậu hoặc, tâm được giải thoát?” Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vày: "Thua chư Hiền! Đối với mắt và sự nhận biêt của măt9 đôi với pháp được biêt bởi sự nhận biêt của mat, tôi đêu biêt rõ. Sau khi biết hai pháp rồi, thưa chư Hiền, nếu con mắt và sự nhận biết của mắt, pháp được biết bởi sự nhận biết của mắt mà phát sanh ưa thích thì sự ưa thích đó đã trừ sạch. Do đã trừ sạch, không còn tham dục, tịch tịnh, vang lặng, từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm đã giải thoát. Cũng vậy, đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý vày thức, pháp được nhận biết bởi ý thức, tôi đều biết rõ. Sau khi đã biết hai pháp, này chư Hiền, nếu ý vày thức, pháp được biết bởi ý thức mà phát sanh ưa thích thì sự ưa thích đó đã được trừ sạch.

Do đã trừ sạch, không còn tham dục, tịch tịnh, vắng lặng; từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm được giải thoát. Chư Hiền! Tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với sáu xứ bên trong này nên biết được mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát.” Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biêt được Phạm hạnh đã thành tựu ây nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả! Đức Thế Tôn nói về sáu giới, gồm địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về sáu giới này để biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các phiền não lậu hoặc, tâm được giải thoát?" [0733a0l] Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: "Thua chư Hiền! Tôi không thấy địa giới là của tôi, tôi không thuộc về địa giới, địa giới chẳng phải là tôi. Nhưng vì ba thứ chấp thủ đó45đều nương vào địa giới mà tồn tại cùng với sự trói buộc của những kiết sử,5 đối với những pháp ấy tôi đều đã được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghí, từ đó biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã

4 Nguyên tác: Tam thọ chỉ cho 3 thái độ chấp thủ: Địa giới là của tôi, tôi thuộc về địa giới, địa giới chính là tôi. 5 Bản Tống, Nguyên, Minh và Thánh: Chư sử sở trước .

dứt sạch hết các lậu, tâm được giải thoát. Cũng vậy, đối với thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải là của tôi, tôi không thuộc về thức giới, thức giới chẳng phải là tôi. Nhưng vì ba thứ chấp thủ đó đều nương vào thức giới6 mà tồn tại cùng với sự trói buộc của những kiết sử, đối với những pháp ấy tôi đều đã được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghí, từ đó biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm được giải thoát. Thưa chư Hiên, tôi biêt như vậy và thây như vậy vê sáu giới này nên biêt được răng mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát.9, Tỳ- kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành, các thây nên hỏi lại Tỳ-kheo ây như vây: "Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về tự thân cùng với thức78này và các tướng ben ngoài/ đe biêt răng tát ca ngã, sự tạo tác cua ngã va mạn sư9 đã bi đoạn trừ vĩnh viễn,10 đã nhổ sạch gốc rễ, về sau không còn sanh khởi nữa?” Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: "Thím chư Hiền! Thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo đã chán ghét các nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khốn khổ? buồn lo, sầu muộn nên tôi muốn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này. Thưa chư Hiên! Sau khi đã chán ghét, nhàm tởm, tôi suy nghĩ như vây: 'Đời sông gia đình quả là chật hẹp, là chốn ưu phiền. Đời sống người xuất gia học đạo thật rộng lớn bao la. Nay ta sông đời tại gia bi xiêng xích quân chặt, không thê trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy xả bỏ các tài sản nhỏ và tài vật lớn, từ giã bà con thân tộc ít và thân tộc nhiêu, roi cạo bỏ râu tóc, mặc áo

ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo.9 Này chư Hiền! Sau đó, tôi xả bỏ tài sản nhỏ và tài vật lớn, từ giã thân tộc ít và thân tộc nhiêu, roi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, song không gia đình làm người học đạo. Này chư Hiền! Sau khi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải họ hàng rồi, tôi thọ lãnh giới cấm mà Tỳ-kheo phải tu tập, giữ gìn Biệt giải thoát, lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

6 Bản Hán tỉnh lược "thiỉy giới, hỏa giới, phong giới và không gi&i" mà chỉ đề cập yếu tố cuối là “thứcgi&i.” , 7 Nguyên tác: Thân cộng hữu thức ,saviññānaka kāya'.
Thân tồn tại cùng với thức, thân là sở y cho thức hoạt động? J 8 Tham chiêu: s. II. 252 và A. 3.32: Katharn nu kho, bhante, jānato katham passato imasmiñca saviriñānake kāye bahiddhā car sabbanimittesu ahañkāramamañkāramānānusayā na hontī,}ti? Bạch Thê Tôn, do biêt thê nào, do thây thê nào, trong thân có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiên, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên? HT. Thích Minh Châu dịch. J 9 Mạn sử .Tham chiêu: T02. 0099.142. 0043a20: Nga mạn hệ trước sử
. M. 112 gọi là t4mạn tùy miên^, mānāYiusaya}. 10 Nguyên tác: Đoạn tri
.

187. KINH THUYẾT TRÍ 1235

Thưa chư Hiền! Tôi từ bỏ sát sanh, đoạn dứt sát sanh, buông bỏ dao gậy, có tâm hổ thẹn, có tâm từ bi làm lợi ích khắp tất cả chúng sanh, cho đến loài côn trùng, Đối với việc sát sanh, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Tôi từ bỏ trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp, chỉ lấy vật được cho, vui nhận những gì được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không lẫn tiếc, không mong báo đáp. Đoi với việc trộm cướp, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiên! Tôi xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn dứt phi Phạm hạnh, siêng tu Phạm hạnh, tinh cần tu diệu hạnh, thanh tịnh không uế? lìa dục, đoạn dâm. Đối với việc phi Phạm hạnh, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Thưa chư Hiền! Tôi xa lìa nói dối, đoạn dứt nói dối, chỉ nói lời chân thật, ưa 9 e •

thh chân thật, an trú trên sự thật không lay chuyên, nói lời hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa gạt thế gian. Đối với việc nói dối, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Thưa chư Hiền! Tôi xa lìa nói hai chiều, đoạn dứt nói hai chiều, tu hạnh không nói lời hai chiều, không phá hoại người khác, không nghe chuyện từ người này đến nói lại với người kia để muốn phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi nói lại với người này để muốn phá hoại người kia; người chia lìa thì khiến họ được hòa hợp, khi họ đã hòa hợp thì mong họ hoan hỷ, không kết bè đảng, không ưa bè đảng, không ca ngợi bè đảng. Đoi với việc nói hai chiều, tôi đã trừ sạch tâm ấy. [0733012] Chư Hiền! Tôi xa lìa nói lời thô ác, đoạn dứt nói lời thô ác, đoạn trừ tất cả những lời nói với giọng điệu thô bi, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa mến, khiến họ khổ não không định tâm. Tôi chỉ nói những lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, đi vào lòng người, làm cho người nghe vui vẻ, mến yêu, an vui, giọng nói rõ ràng, không làm người khác sợ hãi mà còn khiến họ được định tâm. Đôi với việc nói lời thô ác, tôi đã trừ sạch tâm ây. Chư Hiền! Tôi xa lìa nói thêu dệt, đoạn dứt lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về

nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa thích nói sự tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo khiển trách. Đối với việc nói lời thêu dệt, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc buôn bán, đoạn dứt việc buôn bán, từ bỏ việc cân đo và đong đếm cùng gom chứa hàng hóa, không chèn ép người, không mong cân đo gian dối, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt, gian dối người. Đối với việc buôn bán, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận góa phụ, thiếu nữ, đoạn dứt việc nhận góa phụ, thiếu nữ. Đối với việc nhận góa phụ, thiếu nữ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận tôi tớ? đoạn dứt việc nhận tôi tớ. Đối với việc nhận tôi tớ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nuôi voi, ngựa, bò, dê? đoạn dứt việc nuôi voi, ngựa, bò, dê. Đối với việc nuôi voi, ngựa, bò, dê, tôi đã trừ sạch tâm ấy.

Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nuôi gà, heo, đoạn dứt việc nuôi gà, heo. Đối với việc nuôi gà, heo, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận ruộng vườn, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộriệ vườn, quán xá. Đối với việc nhận ruộng vườn, quán xá, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận lúa, mì, đậu sống, đoạn dứt việc nhận lúa, mì, đậu sông. Đôi với việc nhận lúa, nú, đậu sông, tôi đã trừ sạch tâm ây. Chư Hiền! Tôi từ bỏ uống rượu, đoạn dứt uống rượu. Đối với việc uống rượu, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiên! Tôi xa lìa năm giường cao rộng lớn, đoạn dứt năm giường cao rộng lớn. Đối với việc nằm giường cao rộng lớn, tôi đã trừ sạch tâm ây. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, tô son điểm phấn, đoạn dứt việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, tô son điểm phấn. Đối với việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, tô son điểm phấn, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc ca, múa, xướiiệ, hát và đến xem nghe, đoạn dứt việc ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe. Đoi với việc ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa nhận vàng bạc, châu báu, đoạn dứt việc nhận vàng bạc, châu báu. Đối với việc nhận vàng bạc châu báu, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiên! Tôi xa lìa việc ăn quá ngọ, đoạn dứt việc ăn quá ngọ, chỉ ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Đối với việc ăn quá ngọ, tôi đã trừ sạch tâm ây. [0733C13] Chư Hiền! Sau khi thành tựu các Thánh giới này rồi, toi lại sống với hạnh biết đủ, áo vừa đủ che thân, ăn vừa nuôi mạng sống, đi đến đâu đều mang theo y bát, lúc từ biệt không luyến tiếc, giống như chim nhạn với đôi cánh bay liệng giữa bầu trời. Tôi cũng như vậy. Chư Hiền! Sau khi thành tựu các Thánh giới này và sống hết sức biết đủ rồi, tôi lại tu tập giữ gìn các căn, thường nghĩ đến việc đóng chặt các căn, lòng mong tỏ ngộ nên phải giữ gìn các căn và giữ tâm trong chánh niệm thì mới mong thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, mắt thấy sắc nhưng không vướng mắc vào tướng của săc9 khôriệ đăm vào vi của sắc, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn nhãn căn là đe trong tâm không sanh ra tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đên mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Đối với tai, mũi, lưỡi và thân cũng như vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bị đắm nhiễm vào vị của các pháp, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn ý căn là đê trong tâm không sanh tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn ý căn. Chư Hiền! Sau khi đã thành tựu các Thánh giới, hết sức biết đủ và gìn giữ các căn, tôi lại tỉnh giác khi ra, lúc vào, khéo

léo quán sát, phân biệt, co duỗi,

187. KINH THUYẾT TRÍ 1237

cúi ngước, dung mạo khoan thai; khi khoác y Tăng-già-lê, khi đắp y ôm bát; khi đi, đứng, năm, ngồi, ngủ5 thức, nói năng, im lặng, tôi đều tỉnh giác. Chư Hiền! Sau khi đã thành tựu các Thánh giới, hết sức biết đủ, gìn giữ các căn và thành tựu tỉnh giác khi ra lúc vào rồi, tôi lại sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, hoặc bên gốc cây, hoặc nơi yên tĩnh, hoặc nơi hang núi, vách đá, đông trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc ở bãi tha ma. Chư Hiền, sau khi ở chốn vang vẻ, hoặc đến bên gốc cây, nơi yên tĩnh, tôi trải tọa cụ ngồi kiếtgià, thân ngồi ngay thẳng, ý không loạn động, nhiếp niệm nội tâm, đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy tiền tài và các vật dụng sinh hoạt của người khác cũng không khởi tâm tham lam mong chúng thuộc về mình. Đối với việc tham lam, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Tôi cũng tu tập như vậy đối với sân hận, hôn trầm, loạn động, đoạn trừ nghi ngờ, dứt trừ mê hoặc, không còn do dự với các pháp thiện. Đối với nghi ngờ, mê hoặc, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã đoạn trừ sạch năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém. Tôi lìa bỏ dục, lìa bỏ các pháp ác? bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh khônẹ nhơ uế, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, được tâm không lay chuyển, roi hướng đến chứng đắc Trí lậu tận thông. [0734al2] Này chư Hiền! Tôi biết đúng như thật: Đây la khổ, đây là nguyên nhân sanh khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt. Tôi biết đúng như thật đây là lậu, đây là nguyên nhân sanh ra lậu, đây là lậu đã đoạn diệt, đây là con đường đưa đến diệt lậu. Tôi biết như vậy, thấy như vậy nên tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát liền biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật: 6 Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.5 Này chư Hiền! Tôi biết như vậy và thấy như vậy đối với bên trong thân cùng với thức này và các tướng bên ngoài, đồng thời biết rằng tất cả ngã, sự tạo tác của ngã và mạn sử đã bi đoạn trừ vĩnh viễn, đã nhổ sạch gốc rễ, về sau không còn sanh khởi nữa." Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe những điều trên rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành xong, các thầy nên nói vơi Tỳ- kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả! Khi Hiền giả vừa trả lời, chúng tôi rất hài lòng và hoan hỷ, nhimg chúng tôi mong muốn Hiền giả đã tăng tiến càng tăng tiến thêm, thành tựu trí tuệ và đối đáp một cách siêu xuất. Vì vậy, chúng tôi mới hỏi Hiền giả nhiều lần." Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

188. KINH A-DI-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở khu vườn phía Đông. [0734b01] Bấy giờ, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, ra khỏi giảng đường rồi đi kinh hành nơi khoảng đất trống dưới bóng mát của giảng đường và thuyết pháp sâu xa vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Lúc ấy, có ngoại đạo A-di-na/ đệ tử của Sa-môn Man-đầu/ từ xa trông thấy đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, ra khỏi giảng đường rồi đi kinh hành nơi khoảng đất trống

dưới bóng mát của giảng đường và thuyết pháp sâu xa vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Thấy vậy, ngoại đạo A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu? tiến đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong, liền đi kinh hành sau Phật. Đức Thế Tôn quay lại hỏi: Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy không? Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả, rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì, thấy không sót thứ gi" nhưng khi có lỗi lầm thì vị ấy có tự nhận là mình có lỗi lầm chăng? A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu? đáp: -Thưa đức Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu thật sự có tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả, rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì5 thấy không sót thứ gi" khi có lỗi lầm thì vị ấy cũng tự nhận lỗi. Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy không? Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả, rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì, thấy không sót thứ gi" nhưng khi có lỗi lầm thì vị ấy có tự nhận là mình có lỗi lầm chăng?1 23

1 Nguyên tác: A-dỉ-na kinh roi. 0026.188. 0734a27. Tham chiếu: A. 10.115 - v. 224; A. 10.116-V. 229. 2 A-di-na ,Ajita. 3 Nguyên tác: Sa-môn Man-đầu .Đây không phải là tên riêng của một vi đạo sĩ mà là chỉ chung cho các nhà dị học thông thái ,pandità, theo Pâlỉ-Hản từ điên do Minh Pháp Tôn giả hiệu đính.

y Adi-na, đệ tử Sa-môn Man-đâu đáp: - Thưa đức Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu nói như vầy: "Khi đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm thì thường thấy biết không trở ngại gì. Nhưng khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng ẩu, xe chạy nhanh, lính tạo phản, con trai chạy, con gái chạy, hoặc đi trên đường gặp voi dữ, ngựa chứng, bò điên, chó dại, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị đánh bằng gậy, hoặc bị lọt xuống mương, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên bò đang nằm, hoặc rơi xuống hố sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc lạc vào thôn ấp phải hỏi tên hỏi đường, hoặc gặp kẻ nam, người nữ phải hỏi họ hỏi tên, hoặc nhìn nhầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: 'ông ở đâu đến?' thì ta đáp rằng: 'Này chư Hiền, tôi đi nhầm đường.'" Thưa Cù-đàm? Sa-môn Man-đầu tư duy những điều như vậy/ tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì, thấy không sót thứ gi" nhưng vị ấy cũng có sự nhầm lẫn như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn rời chỗ kinh hành rồi đi đến cuối con đường, trải tọa cụ ngồi kiết-già và hỏi các Tỳ-kheo: Ta nói về những việc trí tuệ, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp. [0734c02] Đức Thế Tôn lại hỏi đến lần thứ ba: Này các Tỳ-kheo! Ta nói về những việc trí tuệ, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. Lúc đó, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngoi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói về những điều trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe, sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giải thích đầy đủ cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch: Thưa vâng, chúng con xin lắng nghe và thọ trì! Đức

Phật lại bảo: Có hai chúng: Một là chúng như pháp, hai là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng phi pháp? Là nếu có người nào làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ây cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ây đứng đâu trong chúng phi pháp, tự cho mình là hiểu biết, nhưng chỉ là những*

4 Nguyên tác: Tỷ-kheo .Bản Hán bổ sung thêm chữ "kheo",vốn chỉ có chữ "tỷ”mang nghía “nhu vay."

lời hư dối không chân thật, hiển bày, phân biệt, biểu hiện việc làm của mình, tuần tự thuyết pháp rộng rãi, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, nhimg khi bị chất vấn thì không thể trả lời được. ở trong giáo pháp5 không thể thiết lập và tuyên bố những điều chính mình đã biết và người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả?9 ở trong chúng nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng như pháp? Là nếu có người nào làm việc đúng pháp, nói đúng pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói đúng pháp. Người đúng pháp ây đứng đâu trong chúng như pháp, tự cho mình là hiêu biêt, nhưng không phải là những lời hư vọng mà bang sự chắc thật, hiển bày, phân biệt, biểu hiện việc làm của mình, tuần tự thuyết pháp rộng rãi, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, nhưng khi bi chất vấn thì có thể trả lời được, ở trong giáo pháp, vi ấy có thể thiết lập và tuyên bố những điều chính mình đã biết, và người như pháp ấy đứng đầu trong chúng như pháp, tự cho là "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất c” ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng như pháp. Cho nên, các thầy cần phải biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên học cho đúng pháp và đúng nghĩa. Đức Phật dạy như vậy rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chu Hiền nên biết! Đức Thế Tôn chỉ nói sơ lược nghĩa này mà không giải thích tường tận5 liên từ chô ngôi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: 'Các thầy cần phải biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên học cho đúng pháp đúng nghĩa.9 Các vị ấy lại suy nghĩ: “Chu Hiền! Ai có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã lược giang?99 Rồi các vi ấy lại nghĩ: “T6n giả A-nan là thị giả của đức Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể giải thích tường tận ve ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã lược giảng. Chư Hiền, chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan, thỉnh ngài ấy giải thích ý nghĩa này. Nếu được Tôn giả A-nan giải thích thì chúng ta nên khéo thọ tri." [0735a08] Thế là các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giảA-nan, chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Tôn giả A-nan! Xin Tôn giả biết cho, đức Thế Ton vừa lược thuyết nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, liền rời chỗ ngồi vào tịnh thất tĩnh tọa: “Các thầy cần phải biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên học đúng pháp

5 Nguyên tác: Chánh pháp, Luật .ở đây chỉ cho giáo nghĩa riêng của giáo phái.

và đúng nghĩa?5 Chúng tôi liền suy nghĩ: "Chư Hiền! Ai có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng vắn tắt?" Rồi chúng tôi lại nghĩ: "T6n giả A-nan là thị giả của đức Phật, hiểu được ý Phật, thường được Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh có trí tuệ khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã lược giảng." Kính mong Tôn giả A-nan hãy thương xót mà giải thích cặn kẽ cho! Tôn giả A-nan bảo: -Này chư Hiên! Hãy nghe tôi nói ví dụ5 người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiêu rõ ý nghĩa. Này chư Hiền! Ví như có người muốn tìm cầu lõi cây,6 vì mong được lõi cây nên vác búa vào rừng. Người ấy thấy một cây to lớn có đầy đủ cả gốc, thân, cành, nhánh lá9 hoa và lõi, nhung người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá. Những điêu mà chư Hiên vừa nói cũng giông như vậy. Đức Thế Tôn vẫn còn ở đời, vậy mà chư Hiền không thưa hỏi mà lại đến chỗ tôi để hỏi ý nghĩa này. Vì sao như vậy? Chư Hiền nên biết! Thế Tôn là bậc có mắt? có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa, do vậy hiệu của Ngài là Thế Tôn. Chư Hiền nên đến chỗ Thế Tồn mà hỏi ý nghĩa này: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gi?" Thế Tôn giảng giải như thế nào thì các vị hãy khéo thọ trì như thế ấy. Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan! Đức Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả nghĩa; do vậy hiệu của Ngài là Thế Ton. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh có trí tuệ khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa giảng một cách sơ lược. Kính mong Tôn giả A-nan vì lòng từ thương xót mà giải thích cặn kẽ nghĩa ấy cho! [0735b03] Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Tất cả hãy lắng nghe tôi nói. Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là đúng pháp. Nấu điều nào nhân nơi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện thì gọi đó là phi nghĩa. Nấu nhân nơi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện thì gọi đó là đúng nghĩa. Này chư Hiền, cho đến, tà trí là phi pháp, chánh trí là đúng pháp. Nếu nhân nơi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác, bát thiện thì đó là phi nghĩa. Nêu nhân nơi chánh trí mà sanh ra vô lượng thiện pháp thì đó là đúng nghĩa. Chư Hiền! Vì vậy, đức Thế Tôn chỉ nói sơ lược nghĩa này mà không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào thất tĩnh tọa: "Cho nên, các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa; sau khi biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên

6 Nguyên tác: Thật :Rắn chắc .A. 10.115 - v. 224: Sara cốt lõi, lõi cây.

học cho đúng pháp, đúng nghĩa?9 ở đây, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt như vậy, nhưng không giải thích tường tận. Tôi đã dùng văn cú như trên, lời lẽ như trên để giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền! Các vị hãy đến chỗ Thế Tôn trình bày đầy đủ, nếu Thế Tôn dạy nghĩa gì thì chư Hiền phải nên thọ trì nghĩa ấy. Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan chỉ bày, liền khéo ghi nhớ thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng, sau đó lui ra đi đến chô đức Phật, cúi đâu đảnh lê roi ngôi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Thế Tôn chỉ giảng nói sơ lược về nghĩa này, nhimg

không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy để giải thích một cách rộng rãi về nghĩa đó. Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Đệ tử của Ta đúng là có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao như thế? Vì Ta chỉ nói sơ lược về nghĩa này, không giải thích tường tận, nhimg đệ tử ây đã dùng văn cú như vây, lòi lẽ như vây đê giải thh rộng rãi nghĩa ây. Đúng như những gì A-nan đã giảng giải, các thây hãy nên thọ trì như vậy. Vì sao như thế? Vì đã quán thông ý nghĩa nên nói như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

189. KINH THÁNH ĐẠO1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-dàm, thuộc nước Câu-lâu.12 [0735c01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường khiến chúng sanh thanh tịnh, thoát khỏi ưu sầu, than khóc, dứt hét buôn lo, ảo não, chứng được pháp chân thật, đó là chánh định của bậc Thánh với các duyên hỗ trợ34 5làm tư lương, bao gồm bảy chi. Thế nào là chánh định của bậc Thánh được nói đến, với các duyên hỗ trợ làm tư lương bao gồm bảy chi? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn và chánh niệm. Do có bảy chi này làm duyên hỗ trợ và làm tư lương nên khéo hướng tâm đến chuyên nhất đó gọi là chánh định của bậc Thánh với các duyên hỗ trợ làm tư lương. Vì sao như vậy? Vì nhờ chánh kiến sanh chánh tư duy, chánh tư duy sanh chánh ngữ, chánh ngữ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh tinh tấn, chánh tinh tấn sanh chánh niệm, chánh niệm sanh chánh đinh. Vị Hiền thánh đệ tử với tâm được chánh định như vậy thì lập tức dứt sạch tham, sân và si. Vị Hiền thánh đệ tử với tâm chân chánh giải thoát như vậy, liền biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Trong các chi ây thì chánh kiên là yêu tố dẫn đầu. Nấu thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến. Thế nào là tà kiến? Là cho rằng không có bố thí, không có tế tự, không có chú nguyện/ không có nghiệp thiện, nghiệp ác5 không có quả báo của nghiệp thiệp, nghiệp ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ? không

1 Nguyên tác: Thảnh đạo kỉnh (roi. 0026.189. Ọ735ỒỔ27). Tham chiếu: Tạp,(102.0099.785. 0203al9); M 117, Mahācattārīsaka Sutta (Đại kỉnh bôn mươi). 2 Câu-lâu đô ấp ().Xem chú thích 3, kinh số 10, ư. 55. 3 Hữu tập hữu trọr ()M 117:% upanỉsa (cùng với sự thân cận, hay phương tiện), sa parikkhārā (cùng với tư lương). 4 Tâm đắc nhất ()Trạng thái tập trung vào một điểm. M. 117: Cittassa ekaggatā (tâm nhất cảnh tánh). 5 Nguyên tác: Vô hữu chú thuyết ().Chú thuyết ()là lời chúc phúc, chú nguyện sau khi thọ nhận vật thực.

CÓ bậc chân nhân xuất hiện ở đời, đi đến chỗ lành, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia5 trong đời này hay đời sau, tự biết tự ngộ, tư thân chứng đắc, thành tựu và an trú, đó gọi là tà kiến. Thế nào gọi là chánh kiến? Là thấy rằng có bố thí, có tế tự, có chú nguyện, có nghiệp thiện, nghiệp ác, có quả báo của nghiệp thiện, nghiệp ác, có đời

này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân xuất hiện ở đời, đi đến cõi lành, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau, tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, đó gọi là chánh kiến. Như vậy, thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Thấy cháiỹi kiến là chánh kiến thì đó cũng là chánh kiến. Khi biết rõ như vậy, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng ý niệm đoạn dứt tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh kiến, vận hành theo chánh kiến, the nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. Nấu thấy tà tư duy là tà tư duy thì đó gọi là chánh tư duy. Nếu thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy. Thế nào là tà tư duy? Là nghĩ về dục, nghĩ về sân và nghĩ về hại, đó gọi là tà tư duy. Thế nao là chánh tư duy? Là không nghĩ về dục, không nghĩ về sân và không nghĩ về hại, đó gọi là chánh tư duy. Như vậy, thấy tà tư duy là tà tư duy thì đó gọi là chánh tư duy. Thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy. Khi biết như the roi, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh tư duy, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. [0736a07] Nếu thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Thế nào là tà ngữ? Là nói dối, nói hai chiều, nói lời thô ác và nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ. Thế nào là chánh ngữ? Là lìa bỏ nói dối, lìa bỏ nói hai chiều, lìa bỏ nói lời thô ác và lìa bỏ nói thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Như vậy? thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Khi nhận biết như vậy rồi, vị ấy liên cầu học để mong đoạn dứt tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà ngữ, thành tựu chánh ngữ? gọi đó là chánh niệm. Cả ba chi này này xoay quanh chánh ngữ, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp.

189. KINH THÁNH ĐẠO 1247

Thế nào gọi là tà nghiệp? Là sát sanh, trộm cướp và tà dâm, đó là tà nghiệp. Thê nào gọi là chánh nghiệp? Là lìa bỏ sát sanh, lìa bỏ trộm cướp và lìa bỏ tà dâm5 đó là chánh nghiệp. Như vậy, thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp. Khi nhận biết như thế rồi, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh nghiệp, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. Nếu thấy tà mạng là tà mạng thì đó là chánh mạng. Thấy rõ chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng là chánh mạng. Thế nào là tà mạng? Là nếu có sự mong cầu mà không được toại ý, vị ấy dùng các loại chú thuật và nghề tà mạng thấp kém67để nuôi sống. Họ tìm kiếm y phục không như pháp mà lại bằng phi pháp; tìm cầu món ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng sinh sống không đúng pháp mà bằng phi pháp, đó là tà mạng. Thê nào là chánh mạng? Là không có sự mong câu không toại ý. Họ không dùng các loại chú thuật và nghề tà mạng thấp

kém để nuôi sống. Họ tìm kiếm áo chăn đúng như pháp, là sống theo pháp. Họ tìm cầu món ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang và các thứ vật dụng sinh song đúng như pháp, là sử dụng đúng pháp. Đó là chánh mạng. Như vậy, thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng. Thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng. Khi nhận biết như thế rồi, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà mạng, thành tựu chánh mạng, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh mạng, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. [0736ÔÔ08] Thế nào là chánh tinh tấn? Là vi Tỳ-kheo đối với pháp ác, bất thiện đã sanh, nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực,7 khiến chúng bị đoạn trừ. Đối với các pháp ác5 bất thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh.

6 Nguyên tác: Súc sinh chi chú tà mạng .Tham chiếu: s. 28.10 - III. 238: Ye hi keci, bhagini, samanabrāhmanā nakkhattavijjātiracchānavijjāya micchājīvena jīvikam kappenti, ime vuccanti, bhagini, samanabrāhmanā ubbhamukhā bhuñjantīii. Những Sa-môn hay Bà-lamôn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý nakkhattavyjā\ và súc sinh minh nghề hèn hạ; này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Nguyên tác: Tinh cần cử tâm diệt .Theo Pãli-Hản từ điển do Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, sau khi tham chiêu 2 bản kinh Trung A-hàm TOI 0026.86. 0563al2 và TOI. 0026.222. 0806a02 cho rằng nguyên tác của cú ngữ này chính là "tinh cân cử tâm đoạn" .Sự nhầm lẫn này có thể xảy ra trong khi khẩu truyền Phạn ngữ, vì 66doạnmang nghĩa nỗ lực, với tiếng Pãli là padahati. Trong khi đó, chữ “diet”mang nghĩa diệt mất, như M. 117 ghi là pajahati. Xem thêm Tạp.Z02. 0099.876. 0221al3, 4tđoạn đoạn,, tương đương M. 117: Pahânappadhãna tinh cân đoạn tận.

Đối với pháp thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sanh. Đôi với pháp thiện đã sanh nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại, không mất đi, không sút giảm, tăng trưởng thêm, phát triển rộng rãi, tu tập viên mãn, đó gọi là chánh tinh tan. Thế nào là chánh niệm? Là Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán thọ đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm, quán pháp đúng như pháp,89đó gọi là chánh niệm. Thế nào là chánh định? Là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện,... cho đến chứng đắc và an trú Thiền thứ tư, đó gọi là chánh định. Thế nào là chánh giải thoát? Là Tỳ-kheo tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi sân, si, đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Là Tỳ-kheo biết tâm giải thoát khỏi dục, biết tâm giải thoát khỏi sân và biết tâm giải thoát khỏi si, đó gọi là chánh trí. Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi,9 bậc A-la-hán sạch hết phiền não thành tựu mười chi.1011 Thế nào là bậc Hữu học thành tựu tám chi? Là vị Hữu học từ chánh kiến cho đến chánh định. Thế nào là bậc A-la-hán sạch hết phiền não thành tựu mười chi?

Đó là từ Vô học chánh kiến cho đến Vô học chánh trí. Vì sao như vậy? Vì chánh kiến là để đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện thì vị ấy cũng đoạn trừ sạch. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng pháp thiện thì vi ấy tu tập mong được viên mãn. Cho đến chánh trí là đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh khởi vô lượng pháp ác, bất thiện thì vị ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện thì vị ấy tu tập khiến thành tựu viên mãn. [0736c01] Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bôn mươi phàm đại pháp được chuyên vận nơi Phạm luân thì không một ai có thê chê ngự hoặc phỉ báng, dù đó là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Đôi với bôn mươi phàm đại pháp mà Ta tuyên thuyêt, được chuyên vận nơi Phạm luân11 thì không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn, Phạm chí, chư

H^guyen tác: Quán nội thân như thân,... nai chí... quán giác,... tâm,... pháp như pháp .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh số 98, tr. 653. 9 Học giả thành tựu bát chi ‚Atthañgasamannāgato Sekho'. Bậc Hữu học thành tựu 8 chi. 10 Lậu tận A-la-hán thành tựu thập chi ‚Dasañgasamannāgato Arahā'. Bậc Vô học thành tựu 10 chi. 11 Chuyển ư Phạm luân :Phạm luân v6n là dụng ngữ của Bà-la-môn, được Phật giáo thừa tiep sử dụng, về sau thuật ngư này được hoàn chinh thành Chuyên Pháp luân . J

Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì kẻ ấy bị mười điều chỉ trích đúng pháp. Mười điều ấy là gì? Hoặc có kẻ chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào theo tà kiến, nhimg vẫn cúng dường và khen ngợi họ thì đối với bốn mươi phẩm đại pháp mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì những kẻ đó là hạng thứ nhất bị chỉ trích đúng pháp. Hoặc có kẻ chê bai,... cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào theo tà kiến, nhưng vẫn cúng dường và khen ngợi họ thì đối với bốn mươi phẩm đại pháp mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong the gian. Nêu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì những kẻ đó là hạng thứ mười bị chỉ trích đúng pháp. Đôi với bôn mươi phàm đại pháp mà Ta tuyên thuyết, được chuyên vận nơi Phạm luân thì không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Nấu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì kẻ ấy bị mười điều chỉ trích đúng pháp. Nêu như có Sa-môn hay Phạm chí nào chủ trương khô hạnh và thuyêt giảng khổ hạnh,12 chủ trương không sở hữu và thuyết giảng không sở hữu, thuyết không có nguyên nhân, thuyết không có tạo tác, thuyết không có nghiệp báo; nghĩa là đối với nghiệp thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương phá hoại đoạn tuyệt, ở kia hay ở đây thì những người

ấy cũng bị chỉ trích, lo lắng và sợ hãi đối với bốn mươi phẩm đại pháp mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chế ngự hoặc phỉ báng, dù đó là Sa-môn9 Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 Nguyên tác: Tồn cứ thuyết tồn cứ • Tồn cứ là cách ngồi chồm hổm, chỉ cho cách tu khổ hạnh của các giáo phái ngoài Phật giáo.

190. KINH TIỂU KHÔNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở khu vườn phía Đông.123 [0737a01] Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Một thời, Ngài du hành trong dan chúng họ Thích-ca? tại nệôi làng của họ Thích-ca. Lúc ấy, con được nghe Thế Tôn dạy về ý nghĩa như vay: C6Này A-nan, Ta phần nhiều an tru nơi tánh khong?93 Những điều mà Thế Tôn dạy, có phải con nên biết rõ, khéo tiếp nhận để ghi nhớ kỹ chăng? Lúc đó, đức Thế Tôn bảo: -Này A-nan! Những điêu mà Như Lai dạy thì thây phải khéo biêt rõ, khéo tiếp nhận để ghi nhớ kỹ. Vì sao như vậy? Vì từ xưa đến nay, phần nhiều Ta an tru nơi tánh không. Này A-nan! Ví như giảng đường Lộc Tử Mau này là trống không, không có voi, ngựa, bò, dê, tài vật, lúa thóc, tôi tớ nhưng có điều chẳng phải trông không, bởi vì có chúng Tỳ-kheo. Thê nên, này A-nan! Nêu như trong giảng đường không có gì thì nhân đó Ta thay là trống không. Nêu như trong giảng đường còn có thứ khác thì Ta thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an tru trong sự thật, an tru trong tánh không, không điên đao. Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo nào muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ- kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về thôn xóm, đừng tác ý nghĩ tưởng về người mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý4 nệhĩ tưởng về khu rừng. Vi ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về thôn xóm là trông không, nghĩ tưởng về người là trống không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất về khu rừng. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về thôn xóm thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về người thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về khu rừng.

1 Nguyên tác: Tiểu không kỉnh (roi. 0026.190. 0736c27). Tham chiếu: M. 121, Cūlasuññata Sutta (Kỉnh tiểu không). 2 Đồng Viên Lộc Tử Mau đường (Pubbārāma Migāramāta pāsādā): Giảng đường được xây dựng bởi bà Visākhā, mẹ cua Migāra. 3 Hành không (suññatāvihāra): Không trụ, sự an trụ nơi tánh không. 4 Niệm nhất ( ).Tham chiếu: M. 121: Manasikarotī ekattarh (tác ý duy nhất trên một đối tượng).

Nếu như trong đó không có gì thì nhân đó vi ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thay là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về người, đừng tác ý

nghĩ tưởng về khu rừng mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về đất. Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất này có cao, có thấp, có ổ rắn, bụi gai, cát đá, núi hiểm, sông sâu thì không nên tác ý đến nó. Nếu thấy đất đai bằng phẳng như lòng bàn tay, nhìn xa thấy rõ thì hãy thường xuyên tác ý đến nó. Này A-nan, như một tấm da bò được căng đều trên trăm cọc đinh, sau khi đã được căng đều thì tam da bò sẽ không bi nhăn, không bị co rút lại. Nếu thấy chỗ đất đai này có cao, thấp, ổ rắn, bụi gai, cát dá, núi hiểm, sông sâu thì không nên tác ý đến nó. Nếu thấy đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, nhìn xa thấy rõ thì hãy thường xuyên tác ý đến nó. Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về người là trống không, nghĩ tưởng về khu rừng là trống không, nhung có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất về đất. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về người thì ta không có việc đó. Nếu như có mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về khu rừng thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về đất. Nếu như trong đó không có gì thì nhân đó vi ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. [0737b04] Lại nữa, này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về khu rừng, đừng tác ý nghĩ tưởng về đất mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về Không vô biên xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về khu rừng là trống không, nghĩ tưởng về đất là trống không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất về Không vô biên xứ. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về khu rừng thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về đất thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Không vô biên xứ. Nếu như trong đó không có gì thì nhân đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vi ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào muốn an tru nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về đất, đừng tác ý nghĩ tưởng về Không vô biên xứ mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ.6 Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về đất là trống không, nghĩ tưởng về Không vô biên xứ là trống không, nhưng có một điều chẳng phải trống không,

5 Nguyên tác: Vô lượng không xứ tưởng ,Ākāsānañcāyatanasaññā . 6 Nguyên tác: Vô lượng thức xứ tưởng Viññānañcanāyatanasaññā.

VÌ CÓ Sự nghĩ tưởng duy nhất về Thức vô biên xứ. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về đất thì ta không có việc đó. Nấu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Không vô biên xứ thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Thức vô biên xứ. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-rian, nếu Tỳ-kheo nào muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về Không vô biên xứ, đừng tác ý nghĩ tưởng ve Thức vô biên xứ mà

phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về Không vô biên xứ là trống không, nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ là trống không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất về Vô sở hữu xứ. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Không vô biên xứ thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Vô sở hữu xứ. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vi ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. [0737c01] Lại nữa, này A-nan! Nếu Tỳ-kheo muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ, đừng tác ý nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về Vô tưởng tâm định.7 Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ là trông không, nghĩ tưởng vê Vô sở hữu xứ là trông không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất ve Vô tưởng tâm định. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Vô tưởng tâm định. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nấu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Rồi vi ấy lại suy nghĩ như vầy: Vô tưởng tâm định mà ta có được ở đây vốn thuộc tạo tác, từ tưởng mà sanh ra.8 Nếu nó vốn thuộc tạo tác, từ tưởng mà sanh

7 Nguyên tác: Vô tưởng tâm định ,Animittā cetosamādhi. Bản Hán bỏ qua Phi tưởng phi phi tương xứ Nevasaññasaññāyātanasaññā và chúng được ghi nhận trong M. 121. 8 Nguyên tác: Bổn sở hành, bổn sở tư .Tham chiếu: M. 121: Ayampi kho animitto cetosamādhi abhisañkhato abhisañcetayito Vô tướng tâm đinh này thuộc hữu vi, do tâm tư tao nên. Thuật ngữ Abhisañcetayita được Minh Pháp Tôn gitrong Pãli-Hản từ 2 định nghía: Được sanh ra từ tương .

ra thì ta không nên yêu thích nó5 không nên mong cầu nó, không nên an trú vào nó.9 Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.„ Vi ấy nhận biết như vầy: Dục lậu thì trống không, hữu lậu thì trống không và vô minh lậu thì trống không, nhưng có một điều chẳng phải là trống không, vì còn có thân này của ta cùng với sáu căn1011 đe cho mạng ton tại. Nêu như có sự mệt nhọc nào do dục lậu thì ta không có việc đó. Nêu như có sự mệt nhọc do hữu lậu và vô minh lậu thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do thân này của ta cùng với sáu căn để cho mạng tồn tại. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an tru trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Nghĩa là dứt sạch lậu hoặc, không

còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn,11 được tâm giải thoát. Này A-nan! Trong thời quá khứ, các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tất cả Chư vi ấy đều an tru trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo này. Nghĩa là đã dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn, được tâm giải thoát. Này A-nan! Trong thời vi lai, các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tất cả Chư vị ấy đều an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo này. Nghĩa là đã dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn, được tâm giải thoát. Này A-nan! Trong thời hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo này. Nghĩa là đã dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn, được tâm giải thoát. Thế nên, A-nan! cần phải học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Tham chiếu: M. 121: Yarn kho pana kiñci abhisañkhatam abhisañcetayitam tadaniccam nirodhadhamman 'ti pcỳãnãti Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt, vị ây tuệ tri như vậy, HT. Thích Minh Châu dịch. J 10 Lục xứ chỉ cho 6 xứ bên trong, tức là 6 căn . 11 Nguyên tác: Vô vi ,cũng gọi Niết-bàn ,Nib bāno.

191. KINH ĐẠI KHÔNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ trong rừng Ni- câu-loại, thành Ca-tỳ-la-vệ.1 2 J Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Ngài đi đến tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích.3 Lúc đó, tại tinh xá Gia-la- sai-ma của họ Thích đã trải sẵn rất nhiều giường nệm và có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở đó. Rồi từ tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích, đức Thế Tôn lại đi đến tinh xá Gia-la của họ Thích.4 Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo đang ở trong tinh xá này để may y. Từ xa trông thấy đức Phật đi đến, Tôn giả A-nan liền ra nghinh đón, đỡ lay y bát của Ngài, rồi trở vào trải chỗ nghỉ và múc nước để Phật rửa chân. Sau khi rửa chân xong, đức Phật ngồi vào chỗ mà Tôn giả A-nan đã soạn sẵn trong tinh xá Gia-la của họ Thích rồi hỏi: Này A-nan! Trong tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích có soạn sẵn rất nhiều giường nệm, có phải rất đông chúng Tỳ-kheo trú nghỉ ở đó? Tôn giả A-nan bạch: Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Trong tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích có bày sẵn rất nhiều giường nệm và có rất đông Tỳ-kheo trú nghỉ ở đó. Bởi vì hôm nay chúng con may y. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan: Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, ưa thích nói chuyện ồn ào? tụ tập nói chuyện ồn ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muôn tránh xa sự đông đúc, không thích sông một mình ở nơi thanh vắng. Nếu Tỳ"kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, ưa thích nói chuyện ồn ào, tụ tập nói chuyện ồn ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muốn tránh xa sự đông đúc, không tìúch

1 Nguyên tác: Đại không kinh roi. 0026.191. 0738a03. Tham chiếu: M. 122, Mahāsuññata Sutta Kinh đại không. 2 Nguyên tác: Ca-duy-la-vệ ,Kapilavatthu, còn gọi Ca-tỳ-la-vệ . 3 Gia-la-sai-ma Thích tinh xá

Kālakhemakassa Sakkassa vihārā: Tinh xá của Kājakhema, người họ Thích. 4 Gia-la Thích ,Ghatāya Sakkassa.

1256 KINH TRUNG A-HÀM

Sống một mình ở nơi thanh vắng mà đối với sự an lạc, sự an lạc của bậc Thánh như: Sự an lạc từ vô dục, sự an lạc từ viễn ly, sự an lạc từ tịch tịnh, sự an lạc từ chân chánh giác ngộ, sự an lạc từ xa lìa của cải, sự an lạc từ không còn sanh tử, nếu vị đó dễ dàng đạt được những thứ an lạc như thế không quá khó thì điều này không thê xảy ra. Này A-nan! Nếu Ty-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không ưa thích nói chuyện ôn ào5 không tụ tập nói chuyện ôn ào, không muôn sự đông đúc, không ưa thích sự đông đúc, không tụ tập nơi đông đúc, muốn tránh xa sự đông đúc, thường thích sông một mình ở nơi thanh văng mà đôi với sự an lạc, sự an lạc của bậc Thánh như: Sự an lạc từ vô dục, sự an lạc từ viễn ly, sự an lạc từ tịch tịnh, sự an lạc từ chân chánh giác ngộ, sự an lạc từ xa lìa của cải, sự an lạc từ không còn sanh tử, nêu vị đó dê dàng đạt được những thứ an lạc như thê không quá khó thì điều này chắc chan xảy ra. [0738Ồ02] Này A-nan! Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào5 ưa thích nói chuyện on ào, tụ tập nói chuyện on ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muốn tránh xa sự đông đúc, không thích sông một mình ở nơi thanh văng. Nêu Tỳ-kheo nào ham muôn nói chuyện ồn ào, ưa thích nói chuyện ồn ào, tụ tập nói chuyện ồn ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muốn tránh xa sự đông đúc, không thích sông một mình ở nơi thanh văng mà chứng đăc tâm giải thoát hân hoan5 có hạn kỳ hay tâm giải thoát bất động6 không có hạn kỳ thì điều này không the xảy ra. Này A-nan! Nêu Tỳ-kheo nào không ham muôn nói chuyện ôn ào, không ưa thích nói chuyện on ào, không tụ tập nói chuyện on ào, không ham muốn sự đông đúc, không ưa thích sự sự đông đúc, không tụ tập nơi đông đúc, muốn tránh xa sự đông đúc, thường thích sống một mình ở nơi thanh vắng thì nhất định sẽ chứng đắc tâm giải thoát hân hoan có hạn kỳ hay tâm giải thoát bất động không có hạn kỳ thì điều này chắc chắn xảy ra. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn, ưa thích, bởi vì sắc ấy rồi sẽ hư hoại biến đổi, khi sắc đổi khác thì dẫn đến buồn đau, khóc than, ưu sau, khổ não. Do vậy, Ta an tru ở một nơi khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa là vượt qua tất cả sắc tưởng rồi an trụ nơi ngoại không.7 J

5 Nguyên tác: Ái lạc tâm giải thoát ,kantam cetovimuttiiji. Du-già sư địa luận 730. 1579.90. 0813all gọi là 4tnhat thời ái tâm giải tho'. 6 Nguyen tác: Bất di động tâm giải thoát ,Akuppanti cetovimuttini. Thập thượng kỉnh 1.01. 0001.10. 0052c17> gọi là "v6 ngại tâm giải thoát";Du-già sư đỉa luận 7130. 1579.90. 0813all gọi là "bat động tâm giải thoát,:B 7 Ngiwen tác: Ngoại không Các pháp bên ngoài đều không, chỉ cho 6 xứ bên ngoài là sác ,tha,hương §, vị ,xúc ffi cùng với tất cả pháp trần đều vô thường ,vô ng,bất tịnh ,hư @iả ...nen gọi là "ngoại kh&ig." J

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1257

Này A-nan! Khi Ta an trú nơi trú xứ này rồi thì tâm sanh hoan hỷ. Với tâm hoan hỷ này, Ta cảm thọ toàn thân bằng chánh niệm tỉnh giác, rồi sanh hỷ, sanh khinh an, sanh lạc và sanh định. Với tâm định này, Ta cảm thọ toàn thân bằng chánh niệm tỉnh giác. Này A-nan, nêu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tăc hay ưu-bà-di nào cùng đi đên chỗ Ta thì Ta sẽ dạy bảo họ hành trì tâm như vậy như vậy9 viễn ly, thích sự vô dục. Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích và hỗ trợ. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào luôn muốn hành trì nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy phải giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ rồi vào Thiền thứ nhất.8 Sau khi giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ vào Thiền thứ nhất rồi thì vị ấy nên suy niệm về nội không.9 Này A-nan, nêu Tỳ-kheo nào nói như vây: "T6i không giữ vững nội tâm, an tru, tĩnh chi, không thể vào Thiền thứ nhất và suy niệm về nội kh6ng" thì nên biết Tỳ-kheo ấy tự chuốc lấy nhiều phiền lụy. Này A-nan, thê nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ roi vào Thiền thứ nhất? Là vị Tỳ-kheo ở nơi thân này có được hỷ lạc do ly dục sanh, thấm nhuần toàn thân, cùng khắp tràn đầy sự hỷ lạc được sanh ra do lìa dục, không chỗ nào là không tràn đầy. Này A-nan, ví như người tắm gội, lấy bột tắm bỏ vào bồn tắm, rồi cho nước vào bồn để hòa tan và khuấy cho nổi bọt lên, sau đó ngâm gội, toàn thân được thấm ướt, tràn đầy cùng khắp, trong ngoài đều thâm ướt, không còn sót chô nào. Cũng vậy, này A-nan, đôi với thân này, Tỳ-kheo có được hỷ lạc do ly dục sanh, thấm nhuần toàn thân, cùng khắp tràn đầy sự hỷ lạc được sanh ra do lìa dục, không chỗ nào là không tràn đầy. Này A-nan, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ rồi vào Thiền thứ Ịihất, sau khi đã giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ vào Thiền thứ nhất rồi thì vi ấy nên suy niệm về nội không. Khi vi ấy suy niệm về nội không rồi nhưng tâm vi ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiểu rõ đối với nội không.10 Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào khi quán sát mà biết rõ mình có suy niệm về nội không nhtrng tâm vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiểu rõ với nội không thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm về

8 Nguyên tác: Nhất định .Theo Trường A-hàm thập bảo pháp kinh roi.
0013.2. 0240a05, "nhất dinh"là cách gọi khác của "So tKiền":Tâm an trụ ở Thiên thứ nhát gọi là <4nhat iciLữ. 9 Nguyên tác: Nội không :Các pháp bên trong đều không, chỉ cho 6 xứ bên trong là mắt ,tai ,mũi ,lưỡi ,than ,ý ,cùng với những pháp không phải măt... đêu vô thường, vô nga, bất tịnh, hư giả... nen gọi là í4nọi khong.,, 10 Nguyên tác: Kỳ tâm di động, bất thú hướng cận, bất đắc thanh trừng,, bất trụ bất giải ư nội không giả..Tham chiếu: M. 122: Tassa ajjhattam suññatarn manasikaroto suññatāya cittāni na pakkhandati nappasīdati na santitthati na vimuccati Trong khi vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú, không tinh tín, không an trú, không hướng đên nội không, HT. Thích Minh Chāxidich. Cú ngữ này cũng xuāt hiện trong A. 4.178 - II. 165. ơ đây, cụm từ ubat thú hướng cận,?có tương đương với A. 4.178 - II. 165: Na pakkhandati, mang nghĩa không phấn chân, không thích thú. Do vì pakkhandati cócăn động từ là khand mang nghĩa hăm hơ nhảy nhót nên đã phát sinh cách dịch t4Thū hướng cận,, .

ngoại không. Vi ấy suy niệm về ngoại không rồi nhưng tâm vị ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiêu rõ với ngoại không. [0738c09] Này Anan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát mà biết rõ mình đã suy niệm về ngoại không nhưng tâm mình vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an tru, chưa hiểu rõ với ngoại không thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm về cả nội không và ngoại không.11 Vị ấy suy niệm về nội không và ngoại không rồi nhưng tâm vị ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiểu rõ với nội không và ngoại không. Này A-nan, nêu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát mà biêt rõ mình đang suy niệm về nội không và ngoại không nhung tâm vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiểu rõ với nội không và ngoại không thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm sự không dao động. Vị ấy suy niệm về sự không dao động rồi nhimg tâm vị ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lăng trong, không an trú, chưa hiêu rõ với sự không dao động. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào khi quán sát mà nhận biết rõ mình suy niệm về sự không dao động nhưng tâm vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an tru, chưa hiểu rõ đối với sự không dao động thì Tỳ- kheo ấy hãy dụng tâm như vậy như vậy, đối với định như vậy như vậy để điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, giữ tâm thư thái rồi lại giữ tâm thư thái, hân hoan trong nhu hòa, tịnh lạc với viễn ly. Nếu vị ấy với tâm như vậy, như vậy, đối với định như vậy như vậy để điều phục roi lại điêu phục, tu tập roi lại tu tập, giữ tâm thư thái roi lại giữ tâm thư thái, hân hoan trong nhu hòa, tịnh lạc với viễn ly rồi thì hãy thành tựu và an tru với nội không. Sau khi vị ây thành tựu và an tru với nội không roi thì tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được hiểu rõ nơi nội không. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, Tỳ-kheo liền biết rõ đã thành tựu và an trú với nội không nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trú, được giải thoát với nội không, đó gọi là chánh tri.11 12 [0738c27] Này A-nan, Tỳ-kheo nên thành tựu và an tru với ngoại không. Sau khi vị ấy thành tựu và an trú với ngoại không rồi, tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trú, được giải thoát với ngoại không. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vi Tỳ-kheo ấy liền biết rõ đã thành tựu và an trú với ngoại không nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với ngoại không, đó gọi là chánh tri.

11 Nguyên tác: Nội ngoại không ,tức là 12 nhập xứ ,bao gồm 6 nội XÚT và 6 ngoại xứ đều vô thường, vô nga, bất tịnh, hư giả... nen gọi là tfcnọi ngoại không.^, J 12 Chánh tri Hiểu biết rõ ràng, tường tận. Tham chiếu: M. 122: Itiha tattha sampajāno hoti ở đây, vị ây ý thức rõ ràng như vậy, HT. Thích Minh Châu dịch.

Này A-nan, Tỳ-kheo nên thành tựu và an trú với nội không và ngoại không. Vi ây sau khi thành tựu và an tru với nội không và ngoại không roi, tâm sẽ không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với nội không và ngoại không. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vị Tỳ-kheo ây liên biêt đã thành tựu và

an tru với nội không và ngoại không, nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với nội không và ngoại không, đó gọi là chánh tri. Này A-nan, nên thành tựu và an tru với sự không dao động. Vi ấy sau khi thành tựu và an trú với sự không dao động thì tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với sự không lay động. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vi Tỳ-kheo ấy liền biết mình thành tựu và an trú với sự không lay động, nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với sự không dao động, đó gọi là chánh tri. [0739al2] Này A-nan! Tỳ-kheo ấy với tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn đi kinh hành thì Tỳ-kheo ấy rời khỏi thiền thất và đi kinh hành nơi khoảng đất trống dưới bóng mát của mái hiên thiền thất, thu nhiếp các căn vào trong tâm, khôriệ hướng ra ngoài, khởi tưởng trước mặt và cả sau lưng.13 Kinh hành như vậy roi, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác, bất thiện, đó gọi là chánh tri. Này A-nan! Tỳ-kheo với tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn ngồi thiền thì Tỳ-kheo ấy rời khỏi nơi kinh hành, roi đi đen cuối con đường kinh hành, trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Sau khi ngồi như vậy vững vàng rồi, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác, bất thiện, đó gọi là chánh tri. Này A-nan! Tỳ-kheo với tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn suy niệm14 thì đối với ba loại suy niệm ác bất thiện, là niệm dục? niệm sân và niệm hại, Tỳ-kheo ấy chớ nên suy niệm ba loại suy niệm ác bất thiện này. Còn đối với ba loại suy niệm thiện, là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm ba loại niệm thiện này. Sau khi suy niệm như vậy rồi, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác bất thiện, đó gọi là chánh tri. Này A-nan! Tỳ-kheo ấy để tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn luận bàn thì đối với những luận bàn trái với Thánh luận, không tương tmg với lợi ích, tức là luận bàn về những việc liên quan đến vua chúa, giặc giã, đấu tranh, ăn uống, y phục, mền nệm, phụ nữ, đồng nữ, dâm nữ, thế gian, tà đạo, biển cả, vi Tỳ-kheo ấy không nên bàn luận những đề tài vô nghĩa, hạ liệt15 như vậy. Tỳ-kheo chỉ nên

^Nguyên tác: Hậu tác tiền tưởng .cấu trúc này ở Trưởng lão thượng tôn thụy miên kinh 7.01. 0026.83. 0559c27 được viết là "r hau tia[tiỊỎ”Tăng. 7.02. 0125.9.3. 0562cl3 ghi rõ hơn: "Tiên tưởng hậu tưởng”M. 122, Mahāsuññata Sutta Kỉnh đại không'. Pacchāpuresaññī tưởng trước mặt và cả sau lưng. 14 Niêm tức "tầm", "suy tầm" hay utoan tính." Có 3 bất thiện tầm: Dục tầm kāmavitakko , sân tẩm vyāpādavitakko và hại tâm vihiỉhsavitakko. 15 Nguyên tác: Súc sinh luận tiracchānakatharri: Đàm luận về những điều phi nghĩa, vô ích.

luận bàn những việc đúng với Thánh luận, tương ưng với lợi ích, khiến tâm nhu hòa, không bị che lấp, nghĩa là luận bàn về việc bố thí, giữ giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến, giảm dần, không tụ hội, ít muốn, biết đủ, vô dục, đoạn dứt, tịch diệt, tọa thiền, duyên khởi, những điều mà Sa-môn nên luận bàn. Sau khi luận bàn xong, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác bất thiện, đó gọi là chánh tri.

[0739b05] Lại nữa, này A-nan! Có năm loại dục16 đáng ưa, tâm thường nhớ nghĩ và có sự khát khao, tương ưng với sắc dục, đó là sắc được mắt nhận biết, âm thanh từ tai nhận biêt, hương từ mũi nhận biêt, vị từ lưỡi nhận biêt, xúc từ thân nhận biết. Vị Tỳ-kheo dùng năng lực1718 của tâm để quán sát năm loại dục này, tùy theo từng loại dục mà trong tâm có phát khởi tâm hành gì hay không. Vì sao như vậy? Vì năm loại dục này không trước không sau, tùy theo từng loại dục mà trong tâm phát khởi tâm hành. Này A-nan, trong lúc quán sát, vị Tỳ- kheo ấy liền nhận biết tùy theo từng loại dục mà trong tâm phát khởi tâm hành đối với năm loại dục này. Vị Tỳ-kheo ấy quán tưởng vô thường, quán sự suy hao, quán tưởng vô dục, quán sự đoạn dứt, quán sự diệt tận, quán sự xa lìa đôi với moi moi loại dục nay. Nêu trong nam loại dục nay ma co dục nao bị nhiêm ô thì vi Tỳ-kheo ấy lập tức diệt tận. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy5 vị Tỳ-kheo ấy liền biết rõ năm loại dục này có dục, có nhiễm ô và đã được diệt tận5 đó gọi là chánh tri. Lại nữa, này A-nan, có năm thủ uẩn, 18 đó là sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Nghĩa là Tỳ-kheo quán sát sự thịnh suy của chúng như vầy: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng tương tự như vậy; đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nêu trong năm thủ uân này có ngã mạn nào khởi lên thì nó liền bi diệt trừ.19 Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vị Tỳ-kheo ấy liền biết rõ ngã mạn trong năm thủ uẩn đã bị diệt trừ, đó gọi là chánh tri. Này A-nan, pháp này thật đáng ưa, thật đáng thích, thật đáng ghi nhớ, không còn lậu hoặc, không chấp thủ, vượt tầm Ác ma, xấu ác không thể đến gần; các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế5 gốc rễ của sự hiện hữu trong tương lai, cho đến các nhân 7 r của sự bức bách, của khổ báo, của sanh, già, bệnh. chết cũng không • D D

thê đên gân được, nghĩa là thành tựu sự không buông lung. Vì sao như vậy? Bởi vì nhờ không buông lung mà đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đạt được giác ngộ, nhờ gốc rễ không buông lung mà phát sanh vô lượng

16 Nguyên tác: Ngũ dục công đức .Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 11. 17 Nguyên tác: Chí đáo ,chỉ cho mức độ, trình d. 18 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm ,upãdãnakkhandhã. Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75. 19 Do chấp ngã hoặc ngã sở dựa trên thân 5 uẩn rồi khởi lên sự kiêu mạn. Quán sanh khởi và diệt tận thì ngã mạn bị diệt trừ. Tham chiếu: M. 122, Mahāsuññata Sutta Kinh đại không'. Trong khi vị ầy an trú, tùy quán sự sinh diệt của 5 thủ uẩn này, nếu có ngã mạn nào asmimāno [khởi lên] đối VỚI 5 thủ uẩn, ngã mạn áy được đoạn tận.

thiện pháp, cho đến các phẩm trợ đạo. Này A-nan, thế nên các thầy phải học như vầy: "Ta cũng thành tựu sự không buông lung", nên học tập như vậy. Này A-nan, vì mục đích gì mà các chánh tín đệ tử thuận theo Thế Tôn để tu hành và phụng sự cho đến trọn đời? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! [0739c02] Đức Phật bảo: Này A-nan, hãy lang nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ phân biệt giảng

nói cho thầy nghe! Lúc đó? Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo: Này A-nan! Không phải chỉ vì Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết mà một chánh tín đệ tử thuận theo Thế Tôn để tu hành và phụng sự cho đến trọn đời. Chỉ là, này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp này, đọc tụng, thực hành đến cả ngàn lân, dụng tâm tư duy quán sát, hiêu rõ nghĩa lý sâu xa; hoặc những luận này là Thánh luận, tương ưng với mục đích cứu cánh, giúp tâm nhu hòa, không bi che lấp, nghĩa là luận về bố thí, giữ giới, thiền đinh, giải thoát, giải thoát tri kiến, giảm dần, không tụ hội, ít muốn, biết đủ, không tham dục, đoạn dứt, tịch diệt, tọa thiền và duyên khởi. Như vậy, những điều mà Sa-môn luận bàn, được dễ dàng chứ không khó, vì nghĩa này cho nên chánh tín đệ tử thuận theo Như Lai tu hành và phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy cho Tôn SU, phiên lụy cho đệ tử, phiên lụy cho các vi đông Phạm hạnh. Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư? Nghĩa là một vị Tôn sư xuất thế có phương cách suy ngẫm tư duy, bằng phương cách suy ngẫm tư duy ấy mà quán sát các loại phàm nhân, có biện tài. Vị ấy sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên góc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viên ly, không có điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; hoặc sông nơi đó mà tinh cân học hạnh viên ly, chứng đác tâm tăng thượng, sông an lạc ngay trong hiện tại. Vi ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cần, sống an ổn hân hoan, rồi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng. Sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng rồi, vị ấy liền tự cao mà trở vê nhà. Như vậy là phiên lụy cho Tôn sư, đây cũng là pháp ác bát thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hiện hữu trong tương lai, là bức bách, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là phiền lụy cho Tôn sư. Này A-nan, thế nào là sự phiền lụy cho đệ tử? Nghĩa là đệ tử của Tôn sư ấy theo học hạnh viễn ly của Tôn sư, vị ấy sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc vị ấy sống nơi

đó mà tinh cần học hạnh viễn ly, chứng đắc tâm tăng thượng, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cân, sông an ôn hân hoan, roi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng. Sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng rồi, vi ấy liền tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho đệ tử, đây cũng là pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hiện hữu trong tương lai, là bức bách, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là phiền lụy cho đệ tử. [0740a03] Này A-nan9 thế nào là phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh? Nghĩa là Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn? Ngài sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên góc cay, song ơ non cao, không mọt tiêng động, vơi hạnh viên ly, knong co điêu xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-nan, Như Lai vì mục đích gì mà sông nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: -Kính bạch Thê Tôn! Thê Tôn la cội nguôn cua giao pháp, The Ton la Pháp

Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thê Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật lại bảo: Này A-nan, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt giảng nói cho thầy! Lúc đó, Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo: Này A-nan, Như Lai chẳng phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt được, thành tựu những gì chưa thành tựu được, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điêu xâu, không một bóng ngu&i, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-nan, chỉ vì hai mục đích sau đây mà Như Lai song nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình. Hai là vì thương xót chúng sanh ở đời sau. Vì đời sau sẽ có người học theo hạnh Như Lai mà song nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-nan, Như Lai vì điều này cho nên mới sống nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú bên ệốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà tinh cần học hạnh viễn ly, chứng đắc tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong hiện tại.

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1263

Vị ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cần, sống an ổn hân hoan, rồi theo các vị đồng Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị đồng Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rồi, không tự cao và không trở về nhà. Này A-nan, nếu vi ấy đã chứng ngộ tâm giải thoát bất động thì Như Lai không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu như vị ấy chứng đắc bốn tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong hiện tại, nhờ trước đây tinh cần5 sống không buông lung, vậy nên ở đây nếu như có sự thoái thất thì chỉ do sự hội tụ đông đảo đệ tử. [0740b03] Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viên ly, không có điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà tinh cần học hạnh viễn ly, chứng đắc tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cân, sông an ôn hân hoan, roi theo các vị đông Phạm hạnh trở vê với các Tỳ-kheo9 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Sau khi theo các vị đồng Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, xru-bà-di rồi, liền tự cao \ -í í l v - A mà trở vê nhà. Như vậy là phiên lụy cho các vị đông Phạm hạnh và đây cũng là pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hiện hữu trong tương lai, là bức bách, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết, đó gọi là phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh. Này A-nan, so với sự phiên lụy cho Tôn sư và phiên lụy cho đệ tử thì sự phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh này là vô cùng sai trái, không đáng vui, không đáng thích, thật không đáng nhớ nghĩ. Do đó9 này A-nan, các thầy nên thực hành từ hòa đối với Như Lai, chớ nên gây oán hận. Này A-nan, thê nào là đệ tử đôi xử với Tôn sư băng sự oán hận? không thực hành từ hòa? Nêu vị Tôn sư thuyêt pháp cho đệ tử do vì lòng thương yêu, vì sự lân mân, vì mong câu

ý nghĩa và lợi ích, vì mong câu an ôn hân hoan cho chúng đệ tử, nên mới phát khởi tâm từ bi mà nói rằng: “Dây là vì lợi ích, đây là vì hân hoan, đây là vì lợi ích an vui." Nêu người đệ tử ây không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp và tùy pháp, không thọ lãnh Chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không thành tựu thiền định; người đệ tử như vậy chính là đã đối xử với Tôn sư bằng sự oán hận, không thực hành từ hòa. Này A-nan, thế nào là đệ tử biết thực hành từ hòa5 không gây oán hận đối với Tôn sư? Nghĩa là nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử do vì lòng thương yêu? VÌ sự lân mân, vì mong câu ý nghĩa và lọi h, vì mong câu an ôn hân hoan cho chúng đệ tử mà phát khởi tâm từ bi, rồi nói rằng: "Bây là vì lợi ích, đây là vì hân hoan, đây là vì lợi ích và hân hoan.^, Nếu đệ tử thuận hành theo, an trụ nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp và tùy pháp, thọ lãnh Chánh pháp, không

trái phạm lời giáo huấn của Tôn su, khéo thành tựu thiền định; vi đệ tử như vậy là đã thực hành từ hòa và không gây oán hận đối với Tôn sư. Này A-nan, thế nên các thầy hãy thực hành từ hòa, không nên gây oán hận đôi với Như Lai. Vì sao như vậy? Vì Ta không giảng nói như vây: Như người thợ gốm sẽ làm đồ gốm.20 Nhưng này A-nan! Ta chủ trương nghiêm khắc và nhẫn nại.21 Những gì chân thật thì tồn tại vững bền.22 Đức Phật dạy như vậy, Tôn giảA-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.23

20 Nguyên tác: Đào sư tác ngõa .Thành cú này nhằm chỉ cho việc người thợ gốm nhào nặn đất ròi tạo mọi vật dụng theo ý mình, nhưng chung cuộc đều bị tan^vỡ, còn chan lý mà Như Lai khai mở không nhuvay. Tham chiêu: Đại Bắt-nê-hoàn kinh TAI. 0374.5. 0392al3: Ví như thợ gôm, tạo đô vật nhưng cuôi cùng thì cũng vỡ tan; giải thoátgiác ngộ thì khongphai như vậy! Giải thoatgiac ngộ là sự chân thật, không sinh, không diệt ; .Đại bảo tích kinh m.
0310.42. 0243c08: Ví như thợ gốm nhào nặn đồ dùng, hoặc lớn hoặc nhỏ, nhưng rốt cuộc rồi, thảy đều tan V&”. 21 Nguyên tác: Nghiêm cấp chí khổ
."Nghiêm cấp” mang nghĩa "nghiêm khắc>, .là “su nhl nại” l :
22 Nguyên tác: Nhược hữu chân thật giả, tất năng vãng dã ."Vng"sử dụng như "vãng vang"Mãi mãi, vĩnh viên, thường xuyên. Tham chiêu: M. 122, Mahāsuññata Sutta Kinh đại không'. Yo saro so thassatīti cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại, HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Bản Hán, hết quyển 49.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.